SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH HƯNG YÊN

TRUNG TÂM QUAN TRẮC – THÔNG TIN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

TỈNH HƯNG YÊN

THÁNG 10 NĂM 2021



HƯNG YÊN, THÁNG 11/2021

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH HƯNG YÊN

TRUNG TÂM QUAN TRẮC – THÔNG TIN
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC TỈNH HƯNG YÊN

THÁNG 10 NĂM 2021

Đơn vị thực hiện:

TRUNG TÂM QUAN TRẮC – THÔNG TIN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

HƯNG YÊN, THÁNG 11/2021

MỤC LỤC

I. Tổng quan diễn biến tài nguyên nước 6
I.1. Tài nguyên nước mặt 6
I.1.1. Diễn biến tài nguyên nước trên sông Hồng 6
I.1.2. Diễn biến tài nguyên nước trên sông Luộc 8
I.2. Tổng quan diễn biến tài nguyên nước dưới đất 6
II.2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 10
II.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 11
II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước dưới đất 12
II.1. Thành phố Hưng Yên 12
II.1.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 12
II.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 14
II.2. Huyện Văn Lâm 15
II.2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 15
II.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 17
II.3. Huyện Văn Giang 19
II.3.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 19
II.3.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 21
II.4. Thị xã Mỹ Hào 23
II.4.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 23
II.4.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 24
II.5. Huyện Yên Mỹ 26
II.5.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 26
II.5.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 27
II.6. Huyện Ân Thi 29
II.6.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 29
II.6.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 30
II.7. Huyện Khoái Châu 32
II.7.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 32
II.7.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 33
II.8. Huyện Kim Động 35
II.8.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 35
II.8.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 36
II.9. Huyện Phù Cừ 38
II.9.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 38
II.9.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 39
II.10. Huyện Tiên Lữ 41
II.10.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 41
II.10.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 42

LỜI NÓI ĐẦU

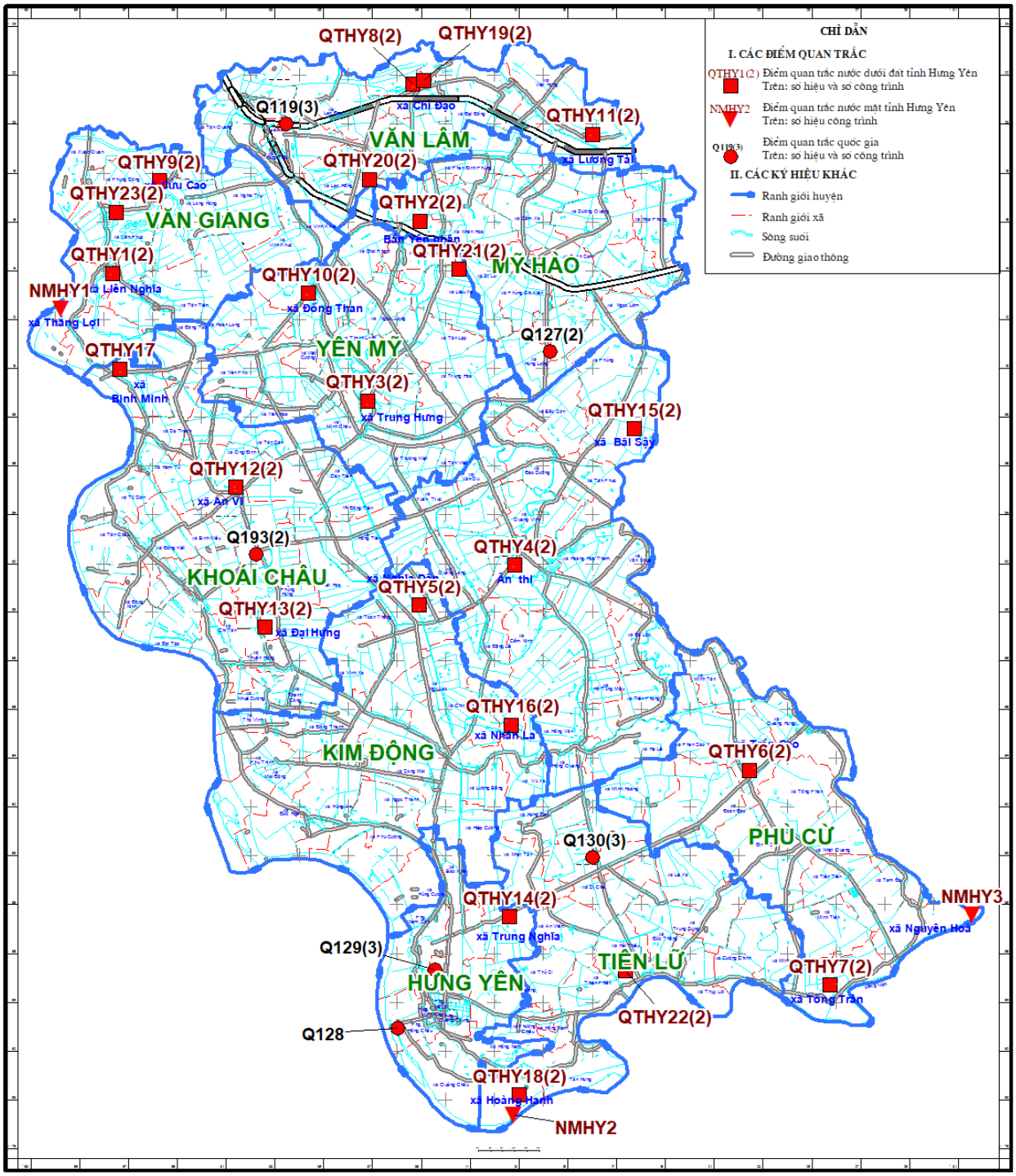
Bản tin Thông báo, dự báo tài nguyên nước hàng tháng cung cấp thông tin, diễn biến số lượng nước tại các trạm quan trắc TNN nhằm phục vụ kịp thời hiệu quả cho công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên nước, công tác điều tra cơ bản và quy hoạch tài nguyên nước.

Bản tin Thông báo, dự báo tài nguyên nước tỉnh Hưng Yên được công bố định kỳ hàng tháng dựa trên kết quả quan trắc tại 23 điểm quan trắc tài nguyên nước dưới đất cùng với 3 điểm quan trắc tài nguyên nước mặt. Ngoài ra trong bản tin có sử dụng các công trình quan trắc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thuộc mạng quan trắc quốc gia tài nguyên nước để đánh giá diễn biến tài nguyên nước dưới đất ở hai tầng chứa nước chính qh và qp.

Mạng lưới quan trắc tài nguyên nước nằm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thuộc sự quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường Hưng Yên. Hiện tại có tổng số 26 điểm quan trắc. Trong đó 23 điểm quan trắc tài nguyên nước dưới đất, phân bố ở các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ, Khoái Châu, Kim Động, Phù Cừ, Ân Thi, Thị xã Mỹ Hào, Tiên Lữ và Thành phố Hưng Yên.

Các điểm quan trắc tài nguyên nước mặt Hưng Yên đặt tại các vị trí:

- Trạm NMHY1 nằm ở bờ trái sông Hồng, tại khu vực bến đò Dương Liệt. Trạm thuộc địa phận xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang;
- Trạm NMHY2 nằm ở bờ trái sông Hồng, tại khu vực bến đò Vũ Điện. Trạm thuộc địa phận xã Hoàng Hanh, TP Hưng Yên;
- Trạm NMHY3 nằm ở bờ trái sông Luộc, tại khu vực trạm bơm Sỹ Quý. Trạm thuộc địa phận xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cừ.



Sơ đồ mạng lưới quan trắc tài nguyên nước tỉnh Hưng Yên

I. Tổng quan diễn biến tài nguyên nước

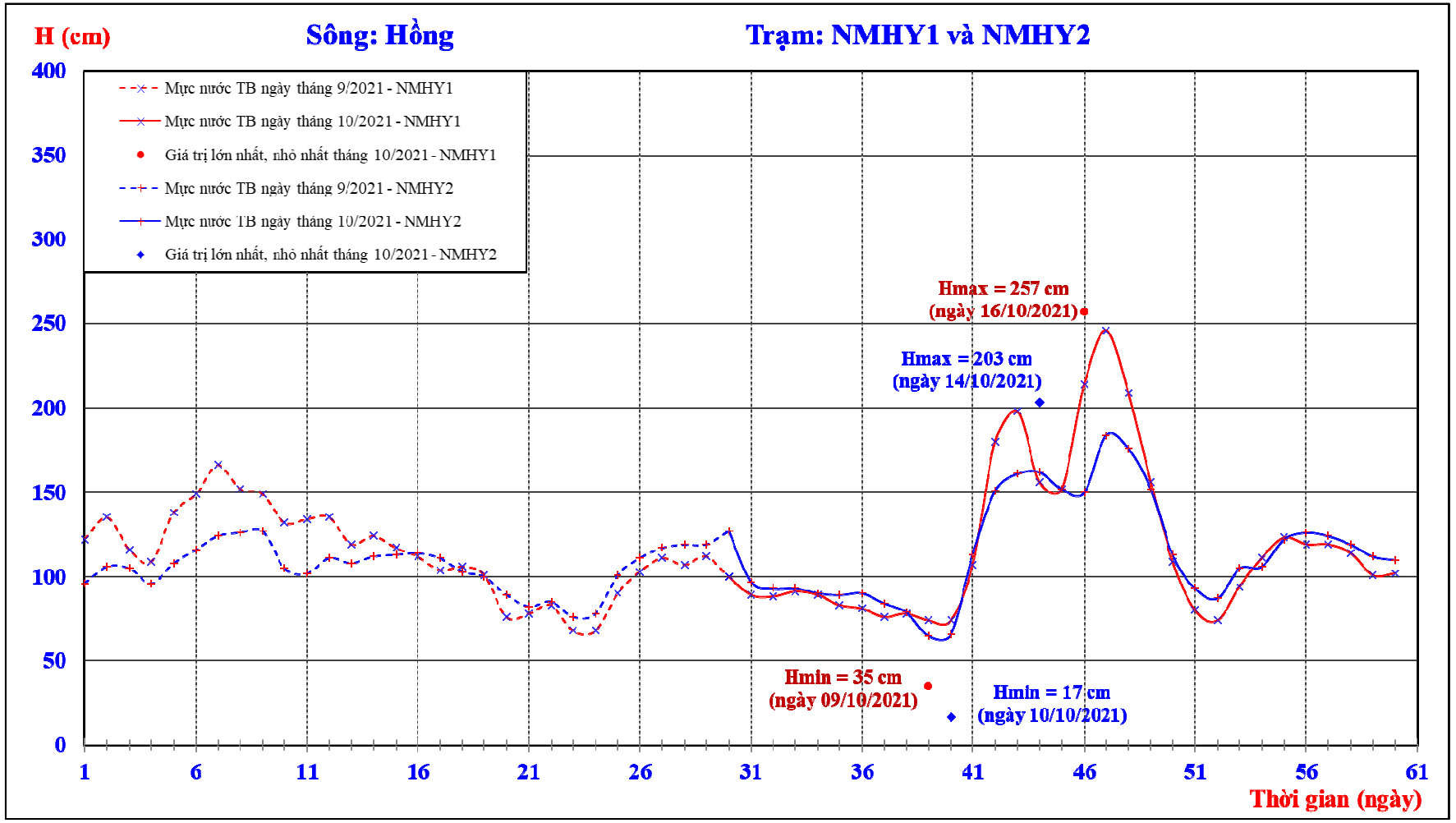
I.1. Tài nguyên nước mặt

I.1.1. Diễn biến tài nguyên nước trên sông Hồng

Với hiện tượng thời tiết khá hiếm gặp trong vòng 20 năm trở lại đây, vào cuối tháng 10 năm 2021 miền Bắc có đợt mưa lạnh sớm. Đặc biệt liên tục có mưa, mưa rào, mưa nhỏ đan xen nên mực nước trung bình tháng 10 trên sông Hồng tại trạm NMHY1 là 119 cm, tăng 5 cm so với tháng trước và mực nước trung bình tháng tại trạm NMHY2 là 115 cm, tăng 9 cm so với tháng trước (xem hình 1, bảng 1).

Bảng 1. Mực nước Tháng 10/2021 quan trắc trên sông Hồng tại trạm NMHY1, NMHY2

Yếu tố	Mực nước Tháng 10/2021 - NMHY1	Tăng (+)/ giảm (-) so với tháng 9/2021	Mực nước Tháng 10/2021 - NMHY2	Tăng (+)/ giảm (-) so với tháng 9/2021
H_{max}, cm	257	82	203	42
H_{min}, cm	35	-6	17	-22
$\overline{H}_{tháng}$, cm	119	5	115	9



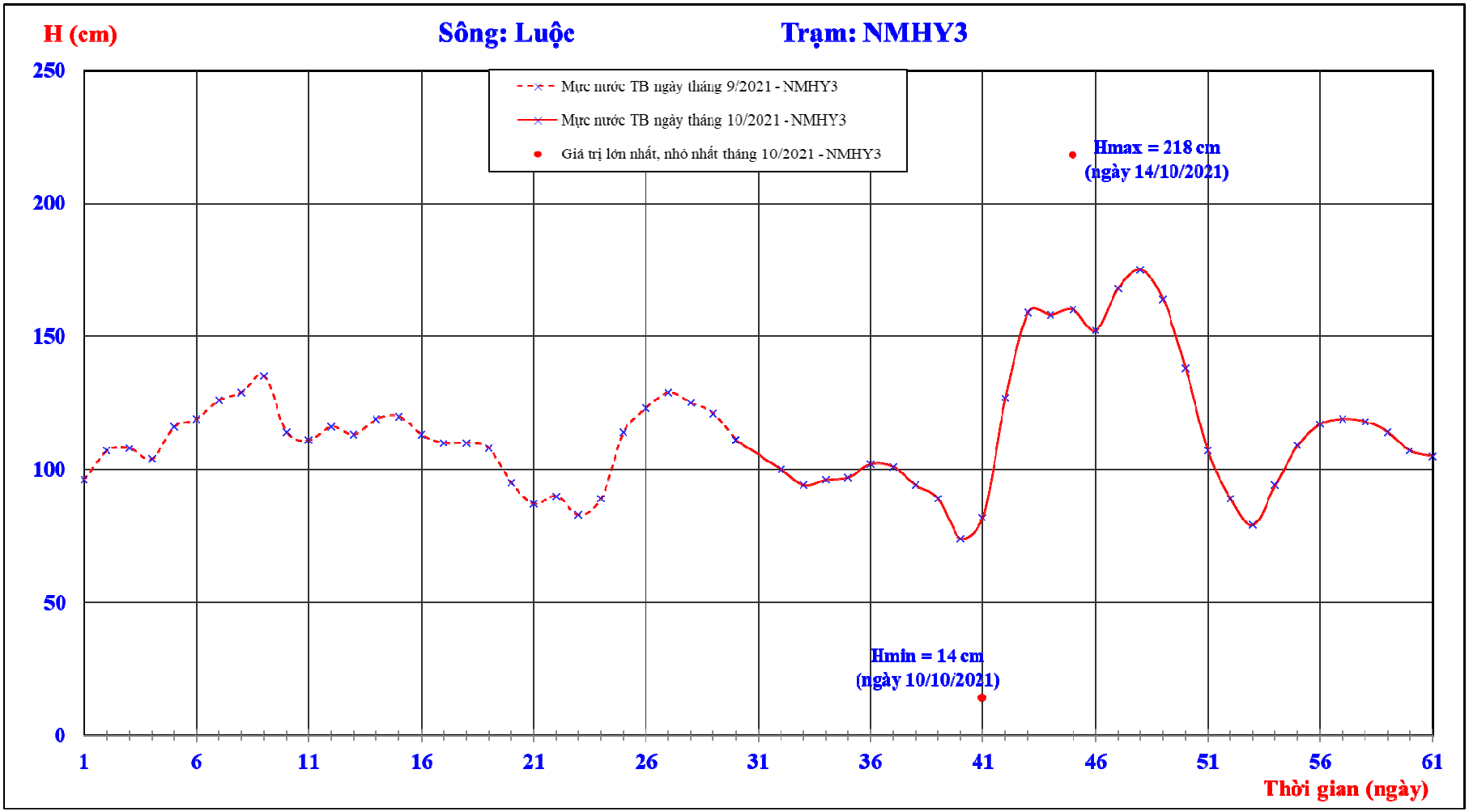
Hình 1. Diễn biến mực nước trung bình ngày tháng 9, 10 năm 2021 tại trạm NMHY1, NMHY2

I.1.2. Diễn biến tài nguyên nước trên sông Luộc

Mực nước trung bình tháng 10 trên sông Luộc tại trạm NMHY3 là 116 cm, tăng 05 cm so với tháng trước (xem bảng 3 và hình 2).

Bảng 2. Mực nước Tháng 10/2021 quan trắc trên sông Luộc tại trạm NMHY3

Yếu tố	Mực nước Tháng 10/2021	Tăng (+)/ giảm (-) so với tháng 9/2021
H_{max}, cm	218	40
H_{min}, cm	14	-29
$\overline{H}_{tháng}$, cm	116	5



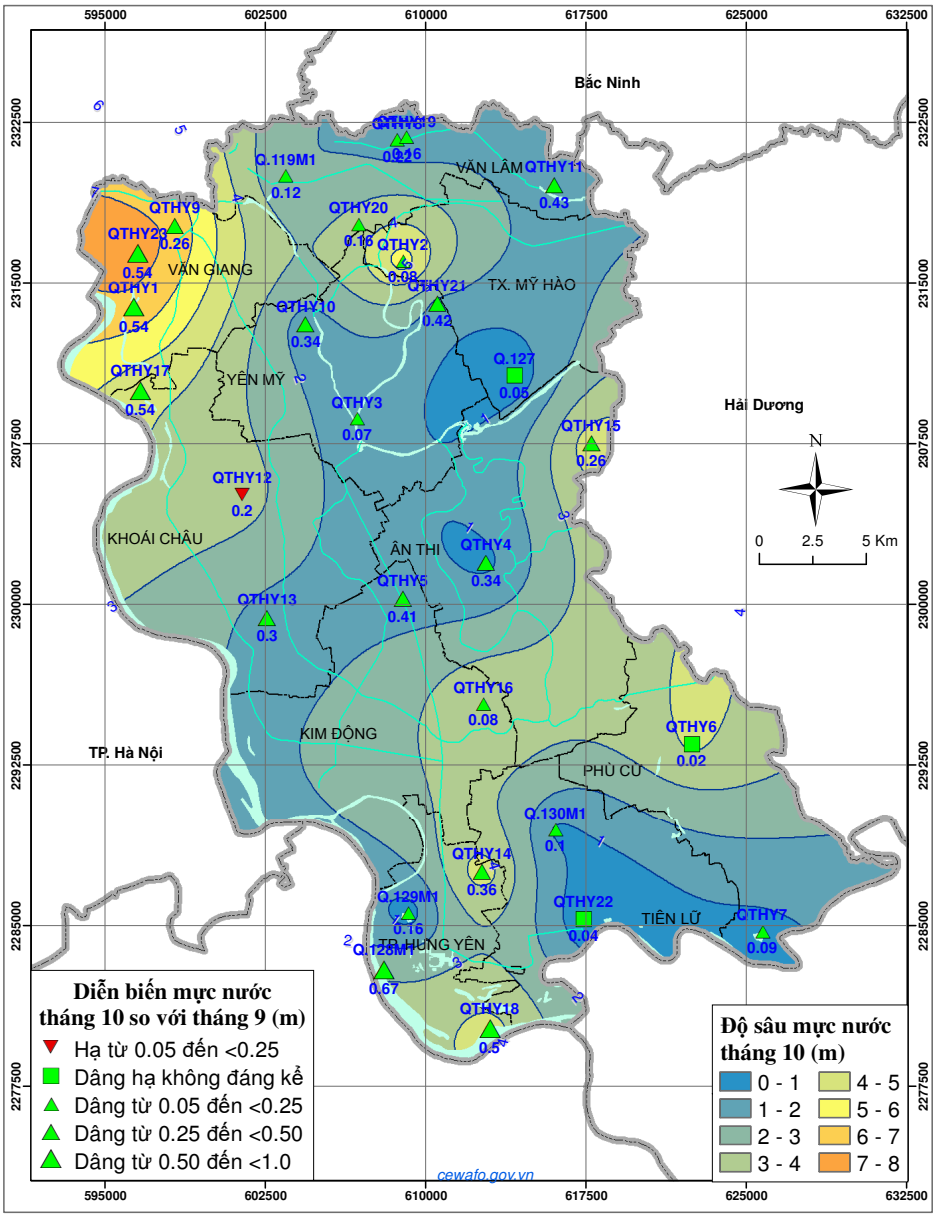
Hình 2. Diễn biến mực nước trung bình ngày tháng 9, 10 năm 2021 tại trạm NMHY3

I.2. Tổng quan diễn biến tài nguyên nước dưới đất

II.2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

Mực nước trung bình tháng 10 có xu thế dâng so với tháng 9, có 24/28 công trình mực nước dâng, 1/28 công trình mực nước hạ và 3/28 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể (Hình 3). Giá trị dâng cao nhất là 0,67m tại phường Minh Khai, TP. Hưng Yên (Q.128M1). Giá trị hạ thấp nhất là 0,02m tại UBND TT Trần Cao , huyện Phù Cừ (QTHY6).

Trong tháng 10: Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,25m tại xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ (QTHY22). Mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,45m tại TT. Văn Giang, huyện Văn Giang (QTHY23).

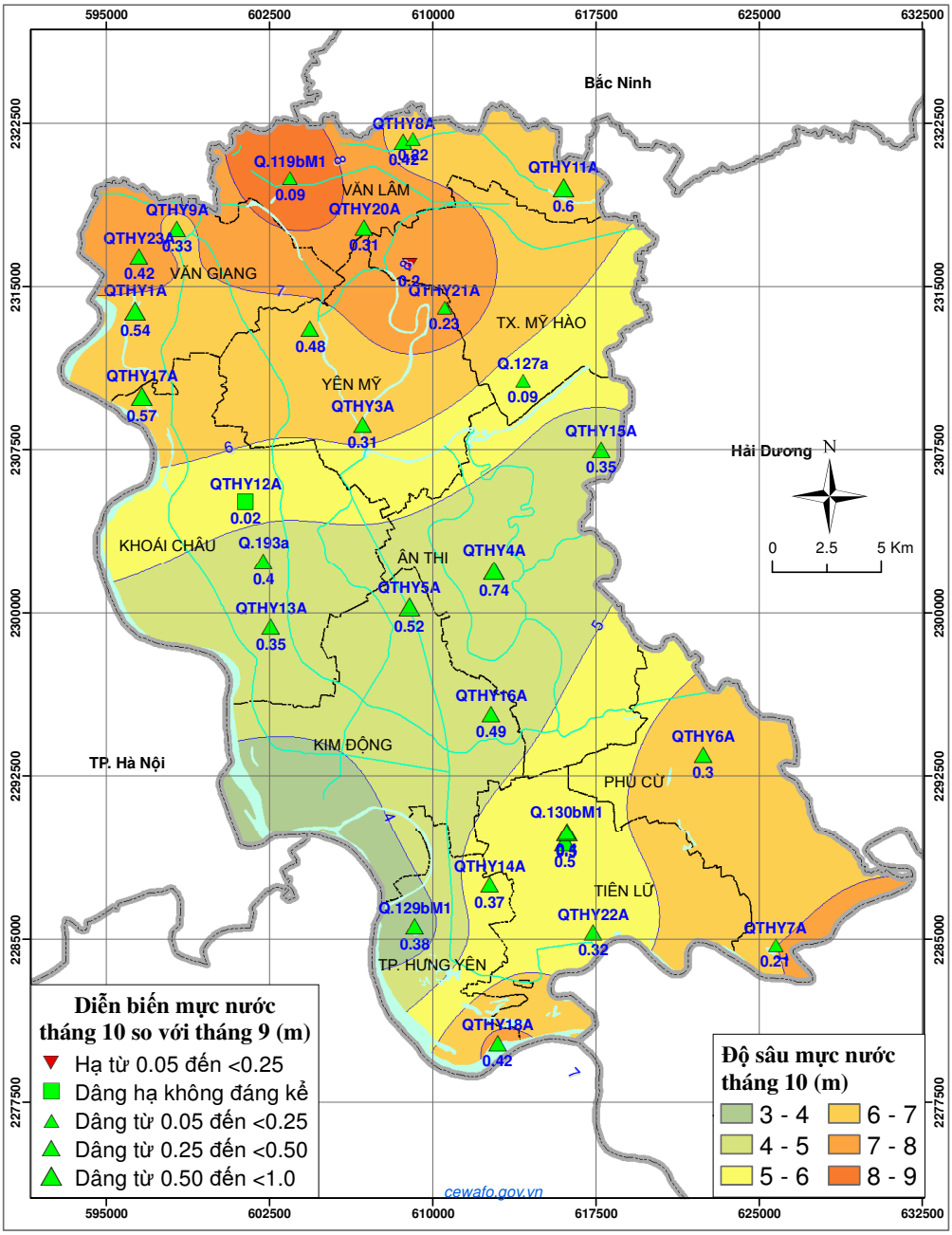


Hình 3.Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qh

II.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

Mực nước trung bình tháng 10 tầng chứa nước qp có xu thế dâng so với tháng 9, với có 28/30 công trình mực nước dâng, 1/30 công trình mực nước hạ và 1/30 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Giá trị dâng cao nhất là 0,74m tại Trạm Y tế Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi (QTHY4A). Giá trị hạ thấp nhất là 0,20m tại P. Bần Yên Nhân, TX. Mỹ Hào (QTHY2A) (Hình 4).

Trong tháng 10: Mực nước trung bình tháng nông nhất là 3,18m tại phường Lam Sơn, TP. Hưng Yên (Q.129aM1). Mực nước trung bình tháng sâu nhất là 8,97m tại TT Như Quỳnh, huyện Văn Lâm (Q.119bM1).



Hình 4.Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qp

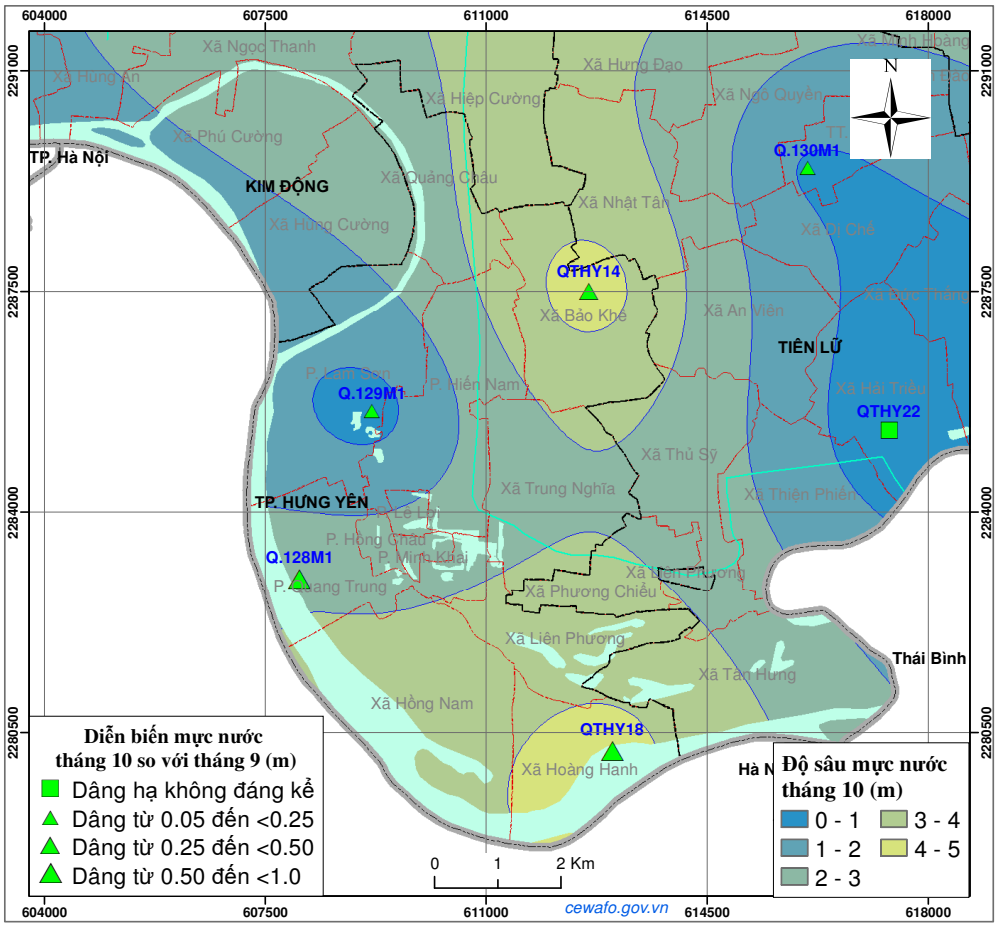
II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước dưới đất

II.1. Thành phố Hưng Yên

II.1.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

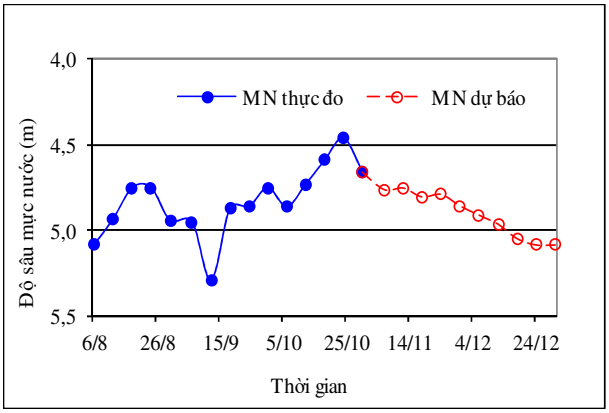
Trong phạm vi Thành phố, mực nước trung bình tháng 10 có xu thế dâng so với tháng 9. Giá trị dâng cao nhất là 0,67m tại phường Minh Khai (Q.128M1, Hình 5).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,50m tại phường Lam Sơn (Q.129M1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 4,63m tại xã Trung Nghĩa (QTHY14).

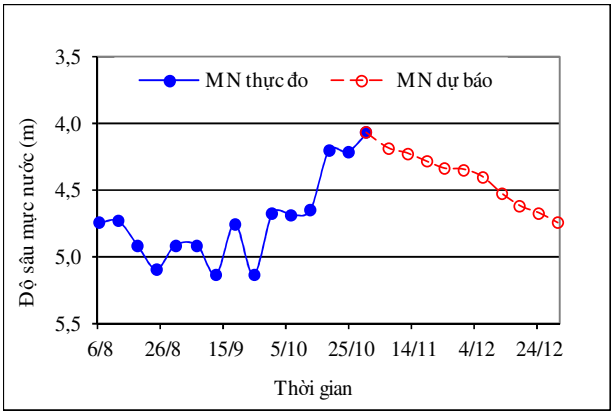


Hình 5.Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qh

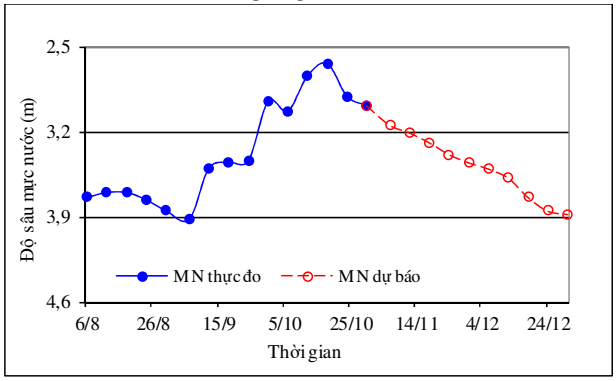
Dự báo: Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem Hình 6 và bảng 3).



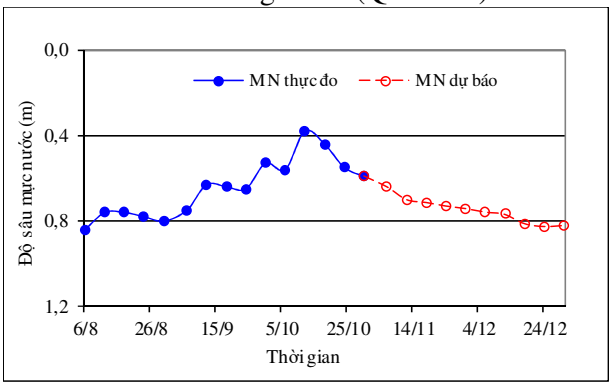
a. xã Trung Nghĩa (QTHY14)



b. Xã Hoàng Hanh (QTHY18)



c. phường Minh Khai (Q.128M1)



d. phường Lam Sơn (Q.129M1)

Hình 6.Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 3. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

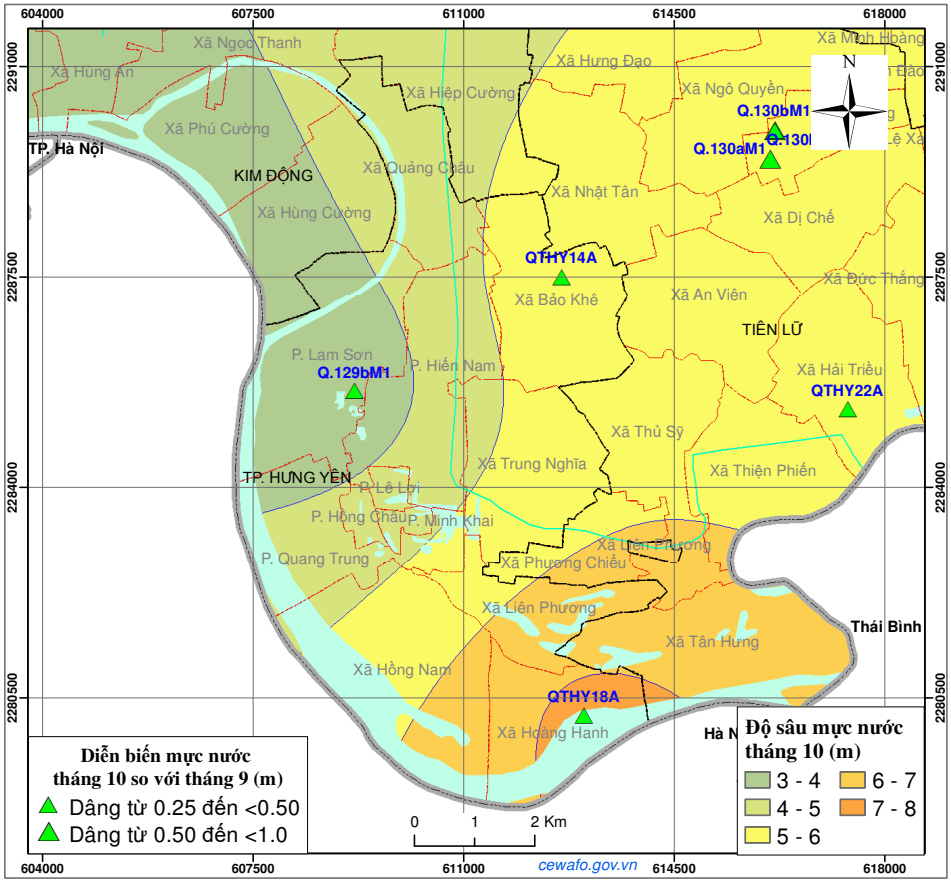
Ngày	xã Trung Nghĩa (QTHY14)			Trạm Y tế xã Hoàng Hanh (QTHY18)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	4,86	4,76	4,91	4,69	4,19	4,41
12	4,73	4,75	4,96	4,66	4,23	4,53
18	4,59	4,80	5,05	4,21	4,29	4,63
24	4,46	4,79	5,08	4,22	4,35	4,68
30	4,66	4,86	5,08	4,08	4,35	4,75
TB	4,66	4,79	5,02	4,37	4,28	4,60
Ngày	phường Minh Khai (Q.128M1)			phường Lam Sơn (Q.129M1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	3,03	3,14	3,50	0,56	0,64	0,76
12	2,74	3,21	3,58	0,38	0,70	0,77
18	2,64	3,29	3,74	0,44	0,71	0,81
24	2,91	3,38	3,85	0,55	0,73	0,82
30	2,98	3,45	3,88	0,59	0,74	0,82
TB	2,86	3,29	3,71	0,50	0,70	0,80

II.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

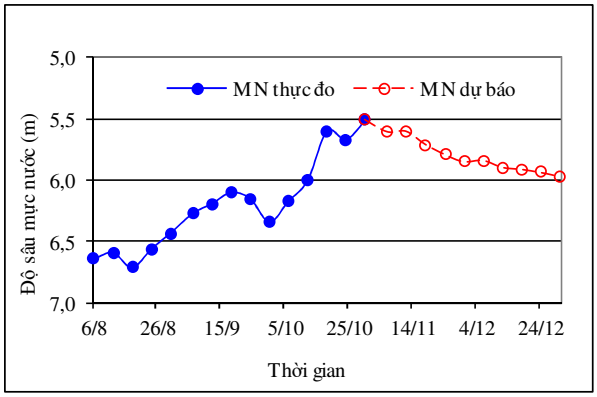
Trong phạm vi Thành phố, mực nước trung bình tháng 10 dâng so với tháng 9. Giá trị dâng cao nhất là 0,55m tại phường Lam Sơn (Q.129aM1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 3,18m tại phường Lam Sơn (Q.129aM1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,36m tại Trạm Y tế xã Hoàng Hanh (QTHY18A).

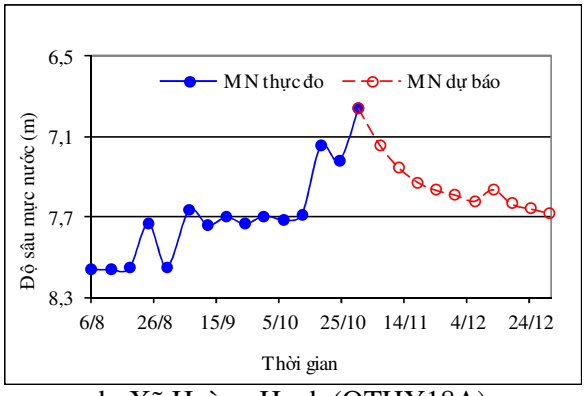
Dự báo: Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 8 và bảng 4).



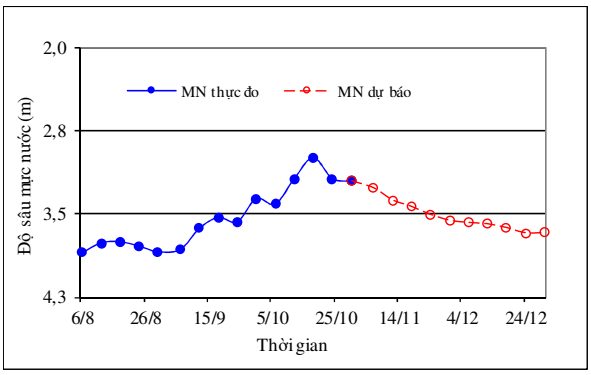
Hình 7.Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qp



a. xã Trung Nghĩa (QTHY14A)



b. Xã Hoàng Hanh (QTHY18A)



c. phường Lam Sơn (Q.129bM1)

Hình 8.Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 4.Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	xã Trung Nghĩa (QTHY14A)			Trạm Y tế xã Hoàng Hanh (QTHY18A)			phường Lam Sơn (Q.129bM1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	6,17	5,61	5,84	7,72	7,17	7,58	3,41	3,27	3,58
12	6,00	5,61	5,89	7,68	7,33	7,49	3,18	3,37	3,59
18	5,60	5,71	5,91	7,17	7,44	7,60	2,99	3,43	3,62
24	5,67	5,79	5,93	7,28	7,50	7,63	3,18	3,50	3,67
30	5,51	5,85	5,97	6,89	7,53	7,66	3,20	3,56	3,67
TB	5,79	5,71	5,91	7,35	7,39	7,59	3,19	3,43	3,63

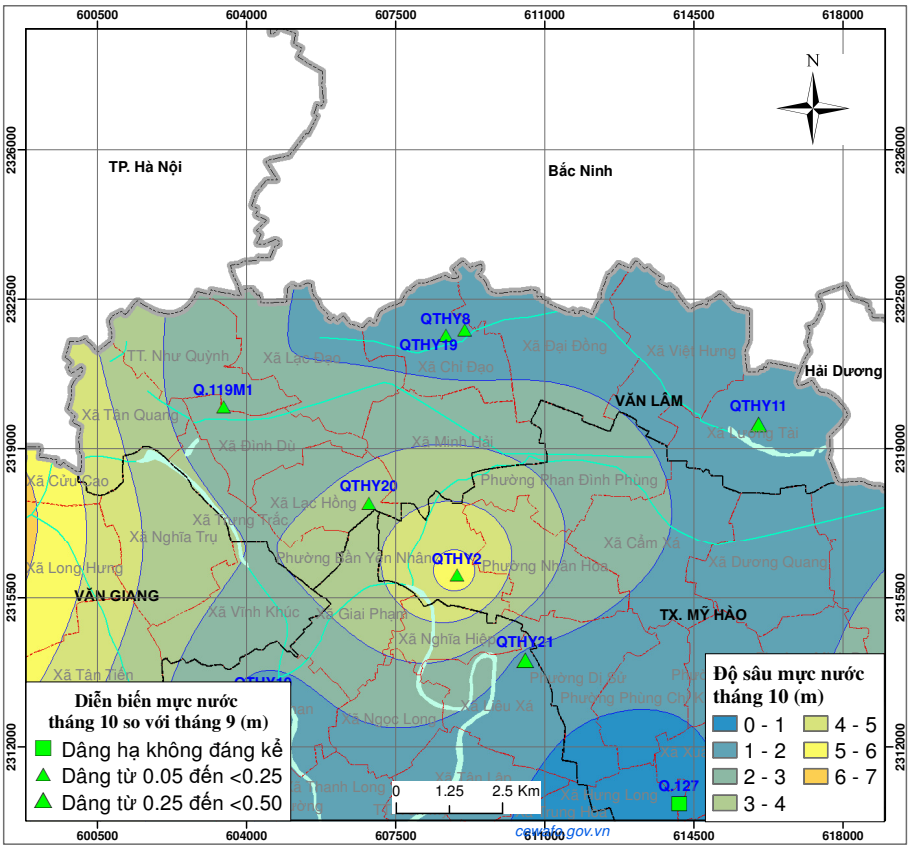
II.2. Huyện Văn Lâm

II.2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

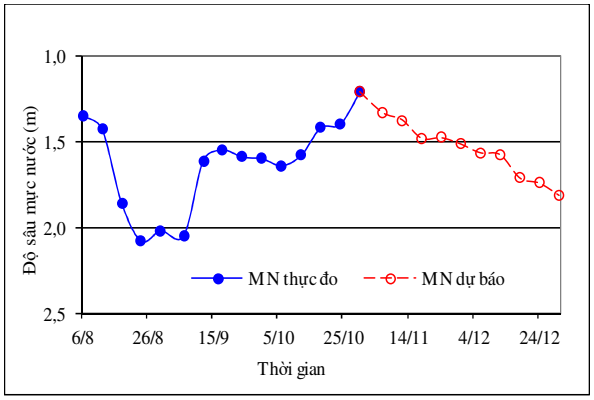
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 10 có xu thế dâng so với tháng 9. Giá trị dâng cao nhất là 0,43m tại Trạm Y tế xã Lương Tài (QTHY11).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,36m tại xã Chỉ Đạo (QTHY19), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 3,48m tại xã Lạc Hồng (QTHY20).

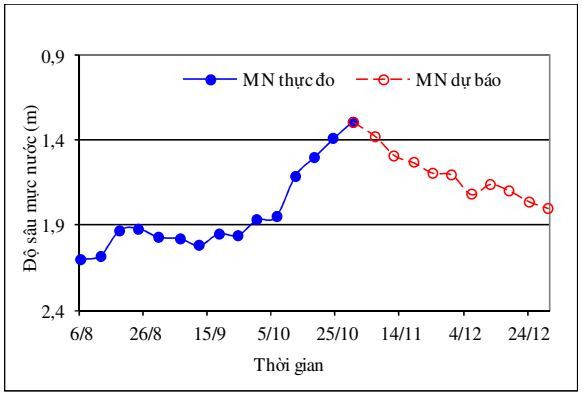
Dự báo: Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 10 và bảng 5).



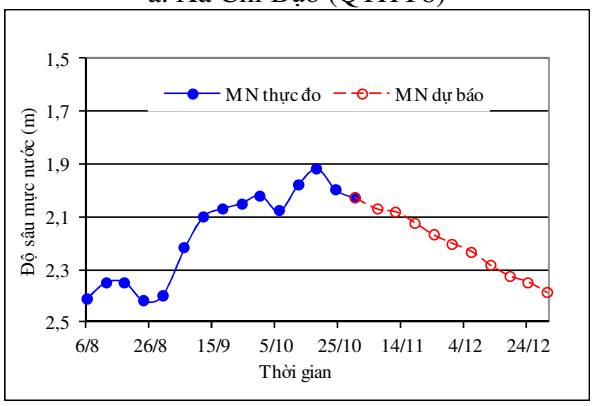
Hình 9.Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qh



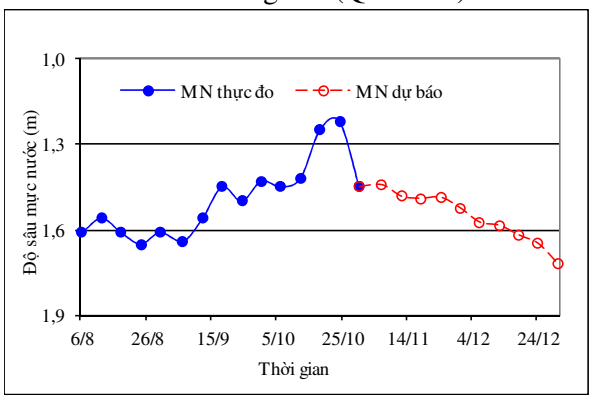
a. Xã Chỉ Đạo (QTHY8)



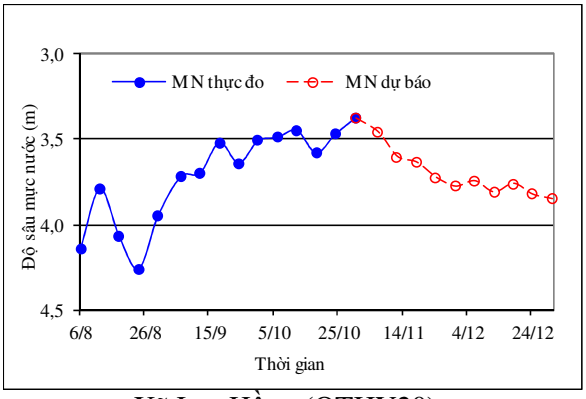
b. Xã Lương Tài (QTHY11)



c. TT Như Quỳnh (Q.119M1)



d. Xã Chỉ Đạo (QTHY19)



e. Xã Lạc Hồng (QTHY20)

Hình 10. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 5. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

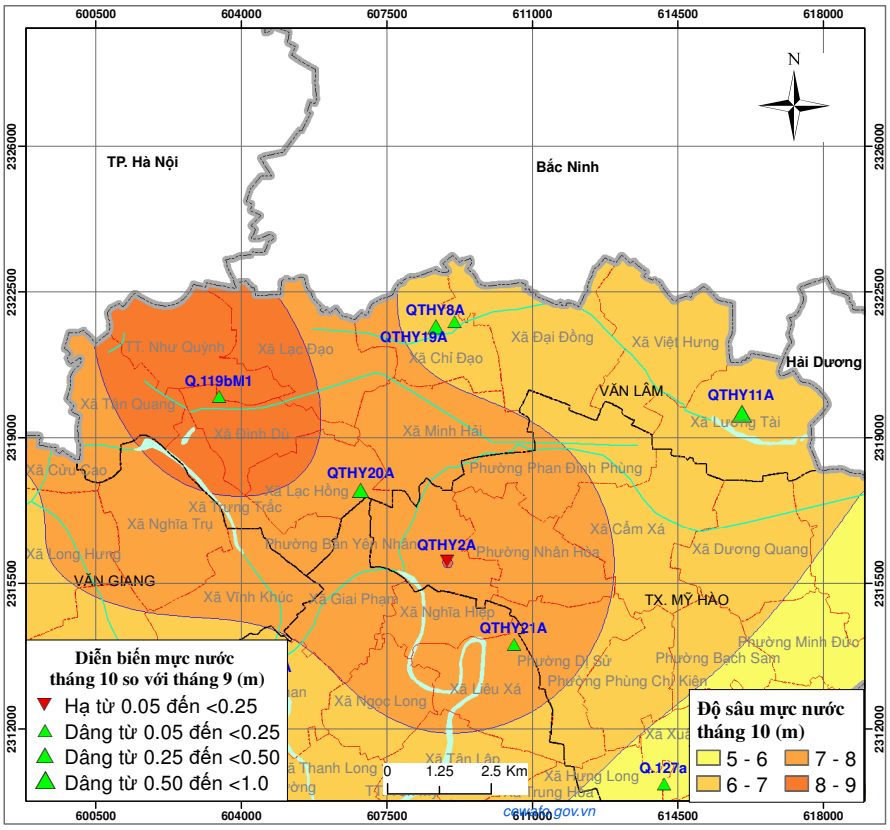
Ngày	Trạm Y tế xã Chỉ Đạo (QTHY8)			Trạm Y tế xã Lương Tài (QTHY11)			TT Như Quỳnh (Q.119M1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	1,64	1,33	1,56	1,85	1,38	1,72	2,08	2,07	2,23
12	1,58	1,37	1,57	1,61	1,49	1,66	1,98	2,08	2,29
18	1,42	1,48	1,71	1,50	1,53	1,70	1,92	2,13	2,33
24	1,40	1,48	1,74	1,39	1,59	1,76	2,00	2,17	2,35
30	1,21	1,51	1,81	1,29	1,60	1,80	2,03	2,20	2,39
TB	1,45	1,44	1,68	1,53	1,52	1,73	2,00	2,13	2,32

Ngày	xã Chỉ Đạo (QTHY19)			xã Lạc Hồng (QTHY20)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	1,45	1,44	1,57	3,49	3,46	3,75
12	1,42	1,48	1,58	3,45	3,60	3,81
18	1,25	1,49	1,62	3,58	3,64	3,76
24	1,22	1,49	1,65	3,47	3,73	3,82
30	1,45	1,52	1,72	3,38	3,78	3,85
TB	1,36	1,49	1,63	3,47	3,64	3,80

II.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

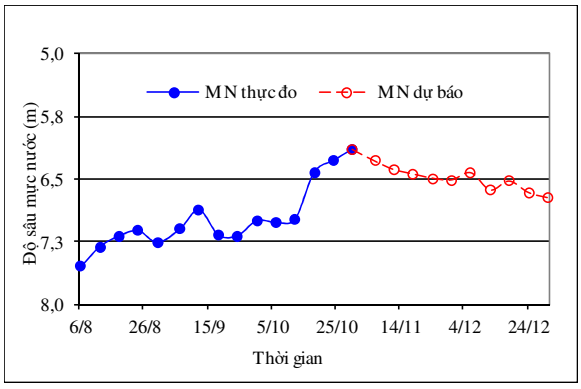
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 10 có xu thế dâng so với tháng 9. Giá trị dâng cao nhất là 0,60m tại Trạm Y tế xã Lương Tài (QTHY11A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 6,27m tại Trạm Y tế xã Lương Tài (QTHY11A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 8,97m tại TT Như Quỳnh (Q.119bM1).

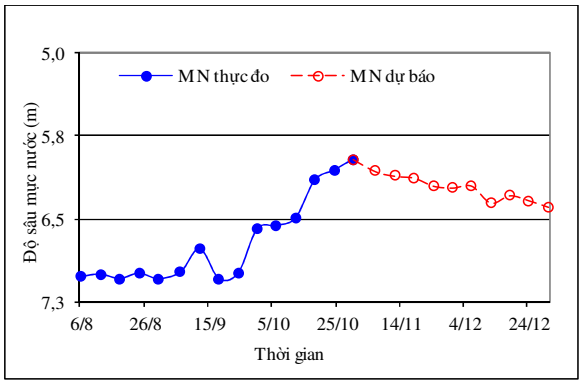


Hình 11. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qp

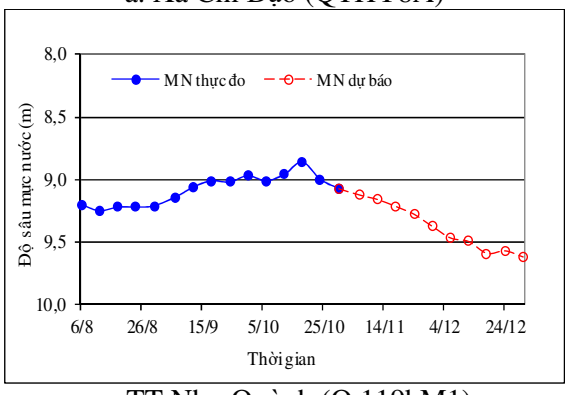
Dự báo: Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 12 và bảng 6).



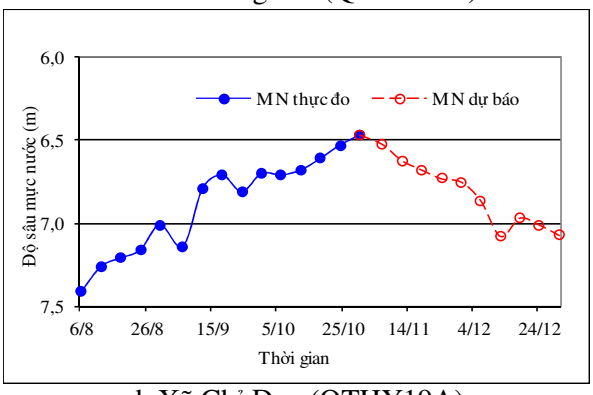
a. Xã Chỉ Đạo (QTHY8A)



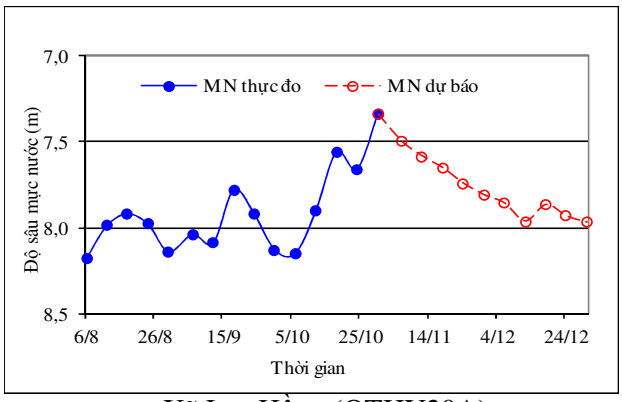
b. Xã Lương Tài (QTHY11A)



c. TT Như Quỳnh (Q.119bM1)



d. Xã Chỉ Đạo (QTHY19A)



e. Xã Lạc Hồng (QTHY20A)

Hình 12. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 6. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	Trạm Y tế xã Chỉ Đạo (QTHY8A)			Trạm Y tế xã Lương Tài (QTHY11A)			TT Như Quỳnh (Q.119bM1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	7,02	6,28	6,42	6,56	6,07	6,20	9,01	9,12	9,47
12	6,98	6,39	6,64	6,49	6,11	6,36	8,96	9,16	9,49
18	6,42	6,44	6,53	6,15	6,13	6,29	8,86	9,22	9,59
24	6,28	6,49	6,67	6,06	6,20	6,34	9,00	9,28	9,57
30	6,14	6,51	6,73	5,96	6,22	6,39	9,07	9,37	9,62
TB	6,57	6,42	6,60	6,24	6,15	6,32	8,98	9,23	9,55

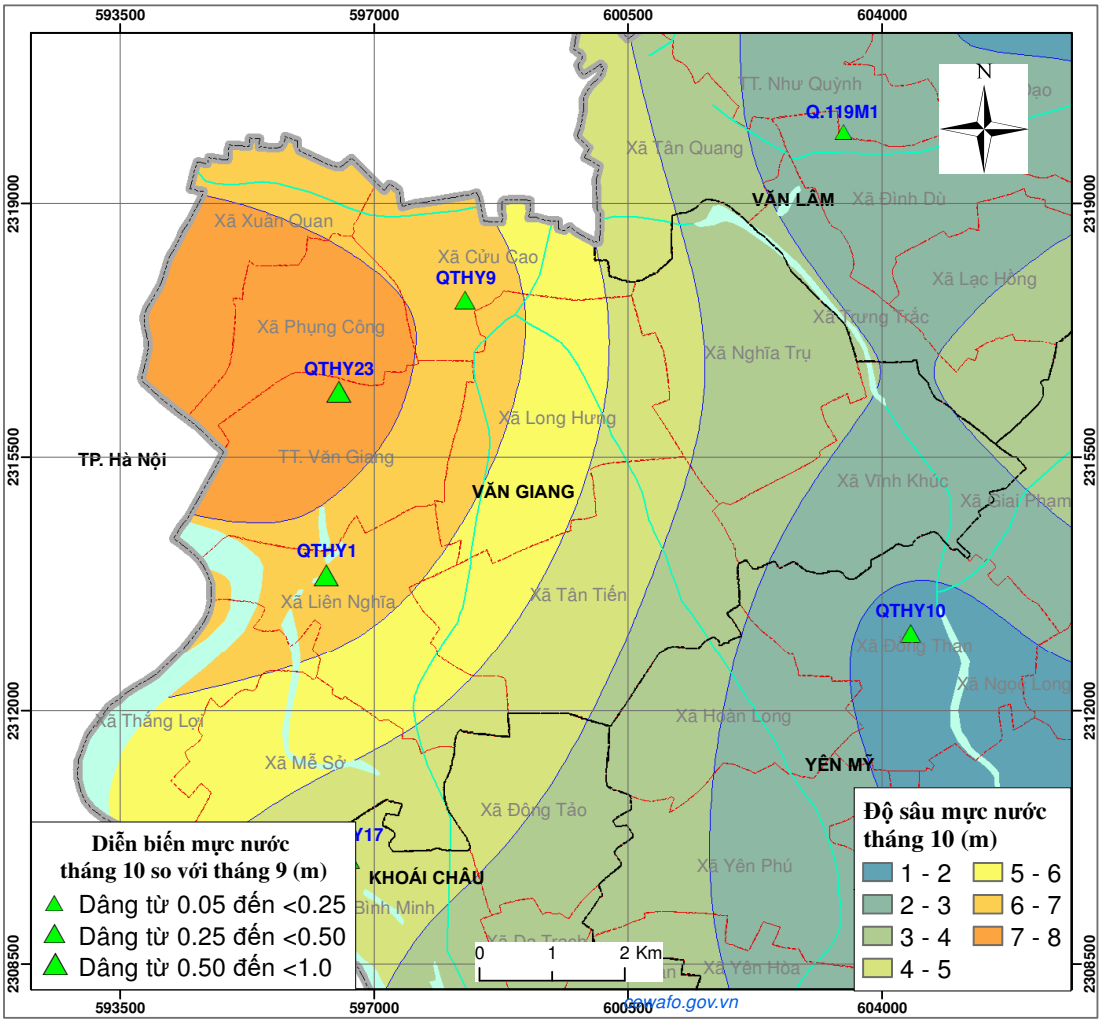
Ngày	xã Chỉ Đạo (QTHY19A)			xã Lạc Hồng (QTHY20A)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	6,71	6,53	6,86	8,15	7,50	7,86
12	6,68	6,63	7,08	7,90	7,59	7,96
18	6,61	6,68	6,97	7,56	7,65	7,87
24	6,53	6,73	7,01	7,66	7,74	7,93
30	6,47	6,75	7,07	7,34	7,81	7,97
TB	6,60	6,66	7,00	7,72	7,66	7,92

II.3. Huyện Văn Giang

II.3.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

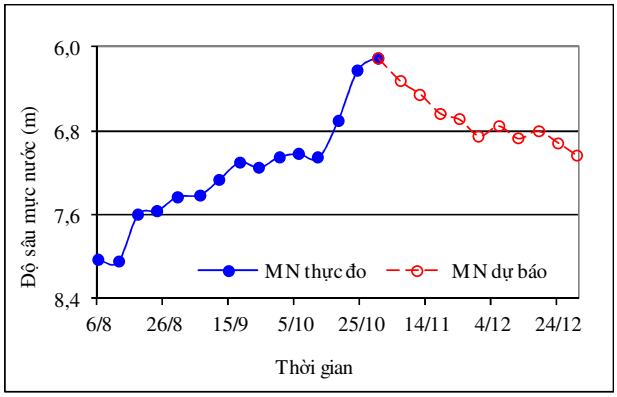
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 10 có xu thế dâng so với tháng 9. Giá trị dâng cao nhất là 0,54m tại TT. Văn Giang (QTHY23).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 6,69m tại UBND xã Liên Nghĩa (QTHY1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,45m tại TT. Văn Giang (QTHY23).

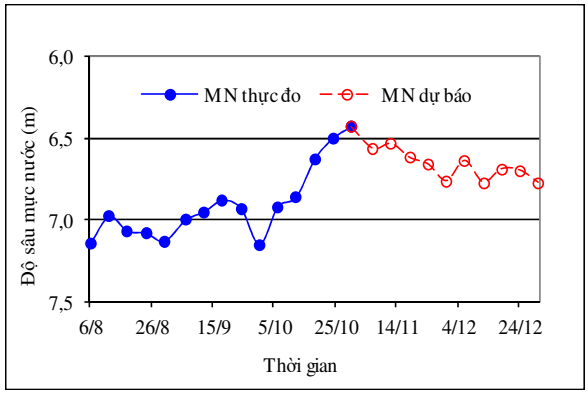


Hình 13. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qh

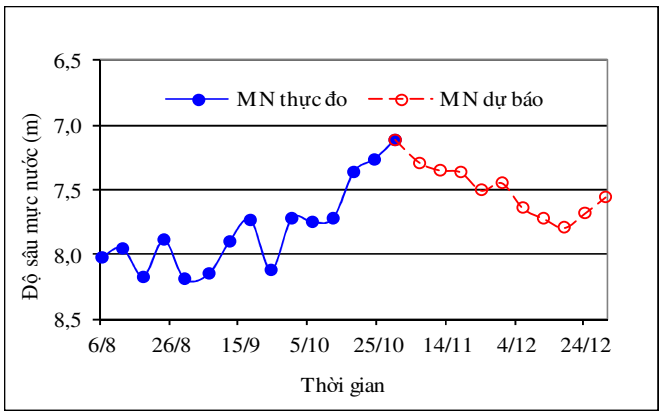
Dự báo: Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 14 và bảng 7).



a. Xã Liên Nghĩa (QTHY1)



b. Xã Cửu Cao (QTHY9)



c. TT. Văn Giang (QTHY23)

Hình 14. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 7. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

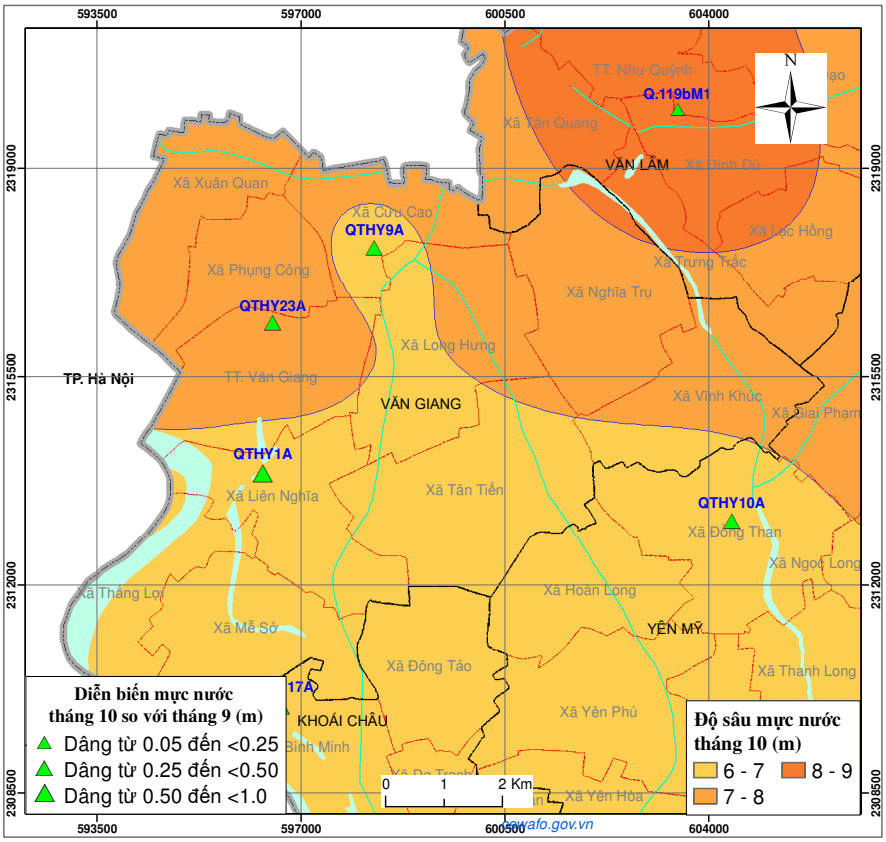
Ngày	UBND xã Liên Nghĩa (QTHY1)			Trạm Y tế xã Cửu Cao (QTHY9)			TT. Văn Giang (QTHY23)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	7,02	6,32	6,75	6,92	6,56	6,64	7,75	7,29	7,64
12	7,06	6,45	6,87	6,86	6,53	6,77	7,72	7,35	7,72
18	6,70	6,63	6,80	6,63	6,62	6,69	7,36	7,36	7,79
24	6,22	6,69	6,91	6,50	6,66	6,70	7,26	7,50	7,68
30	6,10	6,85	7,04	6,43	6,76	6,77	7,11	7,45	7,56
TB	6,62	6,59	6,88	6,67	6,63	6,71	7,44	7,39	7,68

II.3.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

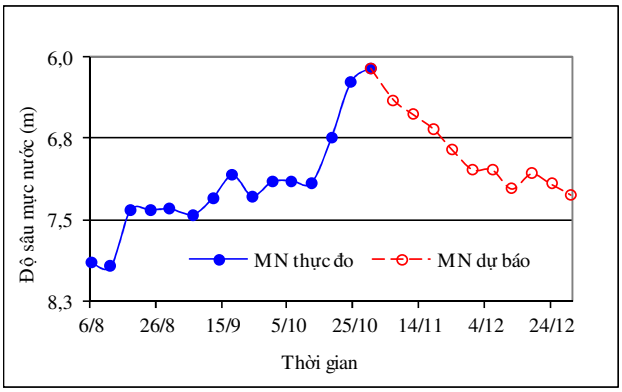
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 10 dâng so với tháng 9. Giá trị dâng cao nhất là 0,54m tại UBND xã Liên Nghĩa (QTHY1A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 6,73m tại Trạm Y tế xã Cửu Cao (QTHY9A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,52m tại TT. Văn Giang (QTHY23A).

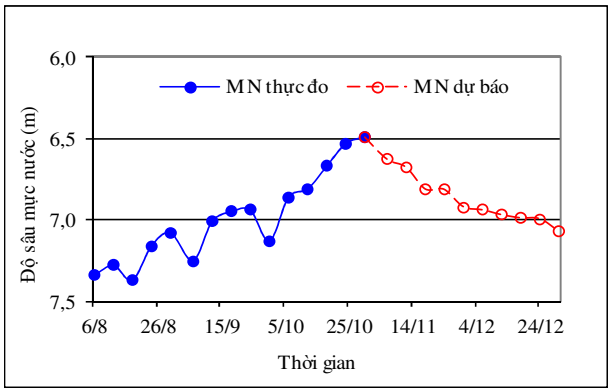
Dự báo: Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 16 và bảng 8).



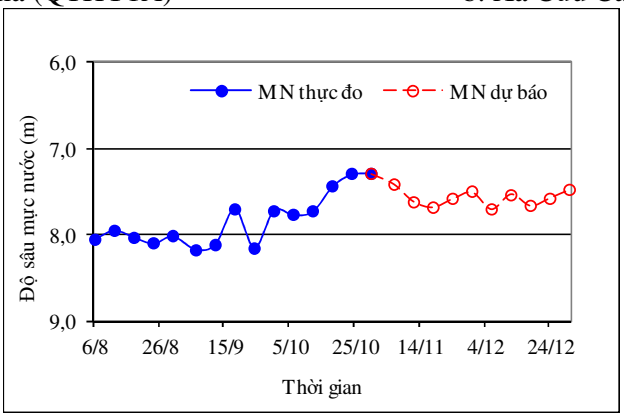
Hình 15. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qp



a. Xã Liên Nghĩa (QTHY1A)



b. Xã Cửu Cao (QTHY9A)



c. TT. Văn Giang (QTHY23A)

Hình 16. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 8. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	UBND xã Liên Nghĩa (QTHY1A)			Trạm Y tế xã Cửu Cao (QTHY9A)			TT. Văn Giang (QTHY23A)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	7,14	6,40	7,04	6,86	6,63	6,94	7,77	7,42	7,71
12	7,16	6,53	7,21	6,81	6,68	6,97	7,73	7,62	7,53
18	6,75	6,66	7,08	6,67	6,81	6,99	7,44	7,69	7,67
24	6,23	6,86	7,17	6,53	6,81	7,00	7,30	7,59	7,58
30	6,10	7,04	7,27	6,49	6,92	7,07	7,29	7,51	7,48
TB	6,68	6,70	7,15	6,67	6,77	6,99	7,51	7,56	7,59

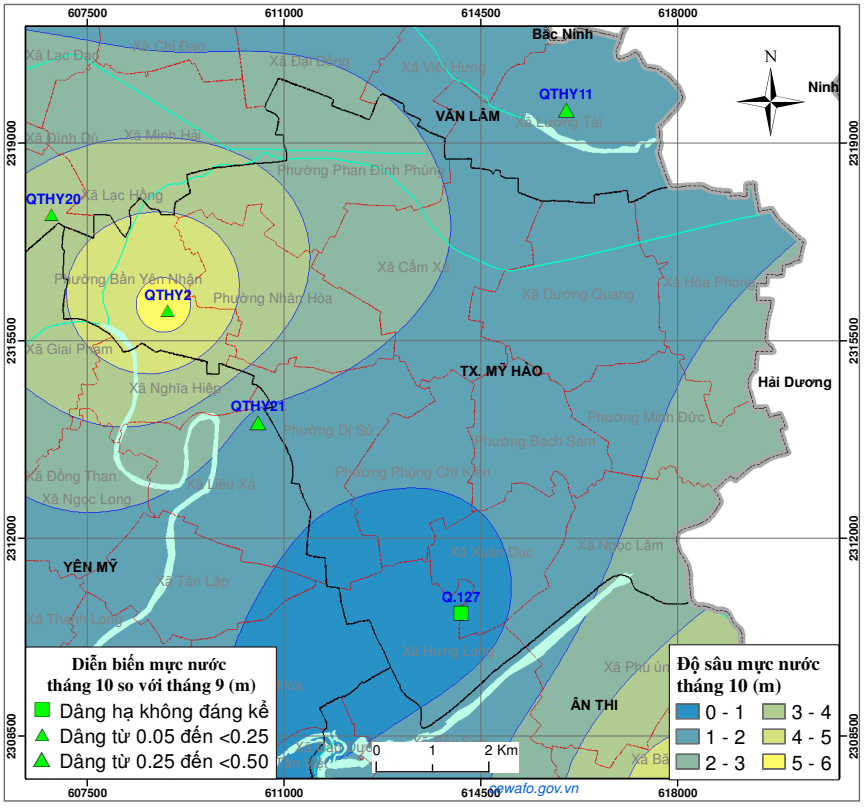
II.4. Thị xã Mỹ Hào

II.4.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

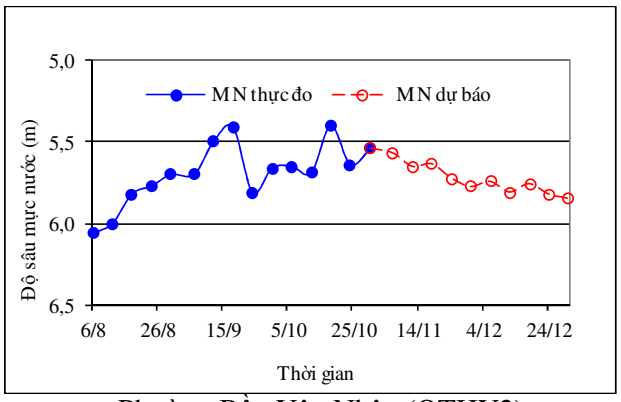
Trong phạm vi Thị xã, mực nước trung bình tháng 10 dâng so với tháng 9. Giá trị dâng cao là 0,08m tại P. Bần Yên Nhân (QTHY2).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,34m tại xã Hưng Long (Q.127), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 5,56m tại phường Bần Yên Nhân (QTHY2).

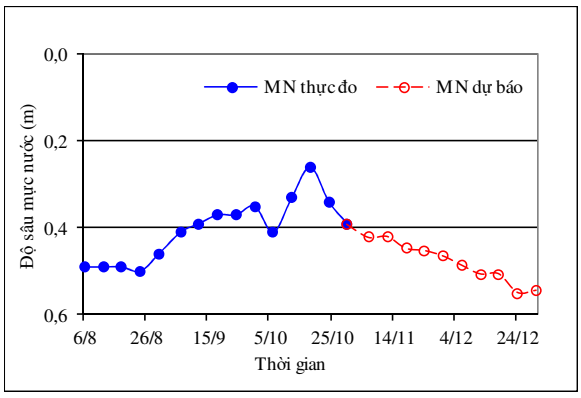
Dự báo: Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 18 và bảng 9).



Hình 17. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qh



a. Phường Bần Yên Nhân (QTHY2)



b. xã Hưng Long (Q.127)

Hình 18. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 9. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

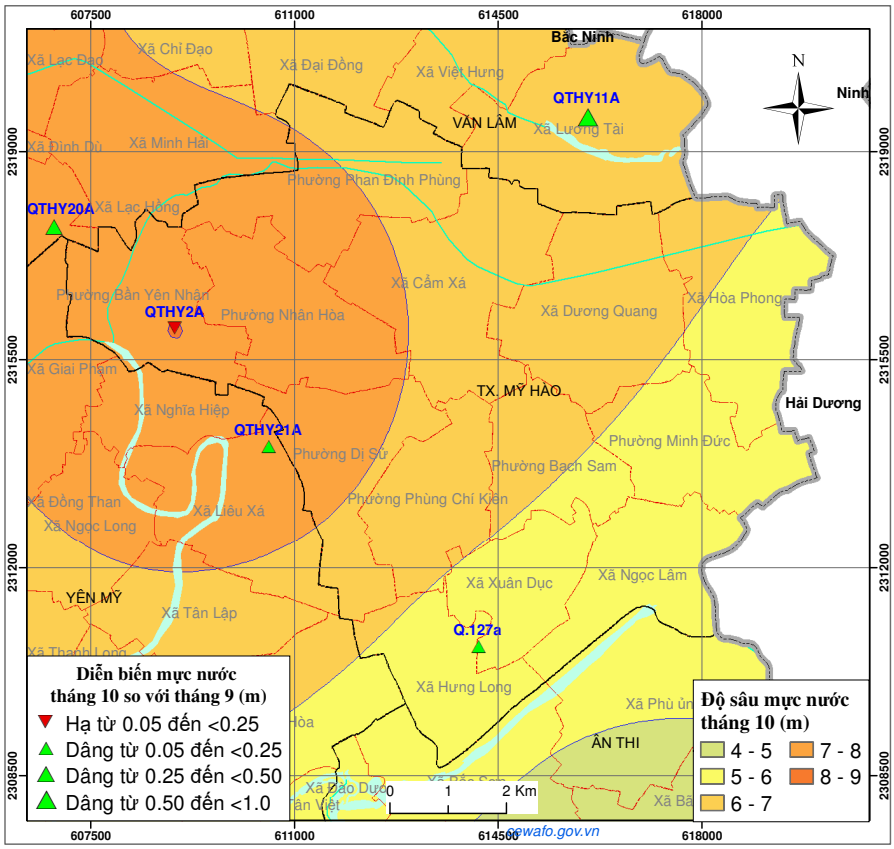
Ngày	P. Bần Yên Nhân (QTHY2)			xã Hưng Long (Q.127)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	5,65	5,57	5,74	0,41	0,42	0,49
12	5,69	5,65	5,81	0,33	0,42	0,51
18	5,40	5,64	5,76	0,26	0,45	0,51
24	5,64	5,72	5,82	0,34	0,45	0,55
30	5,54	5,78	5,85	0,39	0,46	0,54
TB	5,58	5,67	5,80	0,35	0,44	0,52

II.4.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

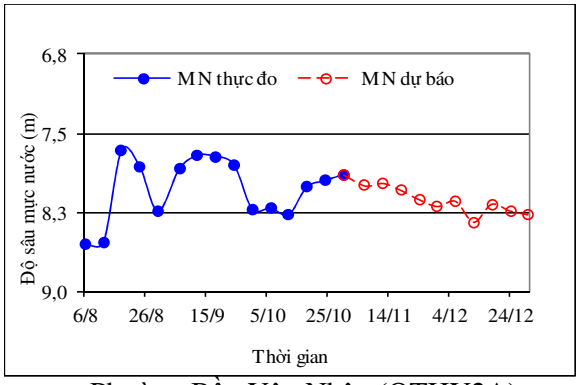
Trong phạm vi Thị xã, mực nước trung bình tháng 10 dâng so với tháng 9. Giá trị dâng cao nhất là 0,09m tại xã Hưng Long (Q.127a). Giá trị hạ thấp nhất là 0,20m tạiP. Bần Yên Nhân (QTHY2A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 5,40m tại xã Hưng Long (Q.127a), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 8,02m tại phường Bần Yên Nhân (QTHY2A).

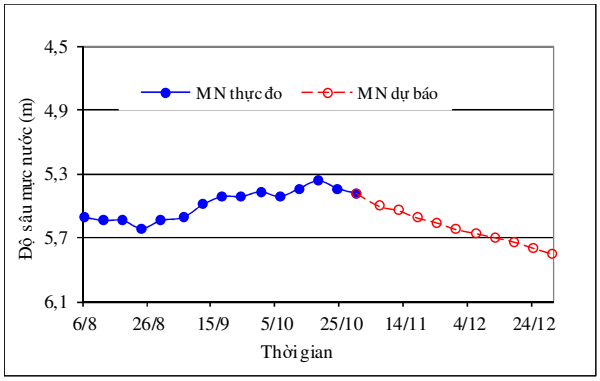
Dự báo: Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 20 và bảng 10).



Hình 19. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qp



a. Phường Bần Yên Nhân (QTHY2A)



b. xã Hưng Long (Q.127a)

Hình 20. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 10. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	P. Bần Yên Nhân (QTHY2A)			xã Hưng Long (Q.127a)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	8,21	8,00	8,15	5,44	5,50	5,67
12	8,27	7,97	8,35	5,39	5,53	5,69
18	8,01	8,04	8,18	5,34	5,57	5,72
24	7,95	8,13	8,24	5,39	5,60	5,76
30	7,89	8,20	8,28	5,42	5,64	5,80
TB	8,07	8,07	8,24	5,40	5,57	5,73

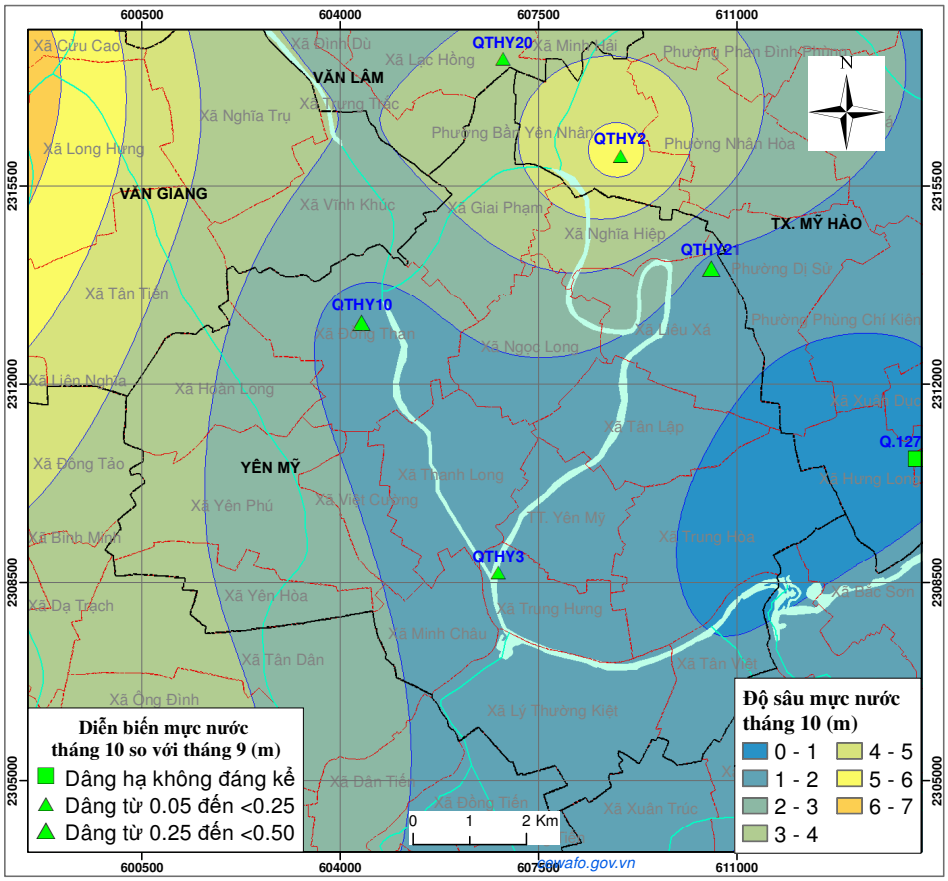
II.5. Huyện Yên Mỹ

II.5.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

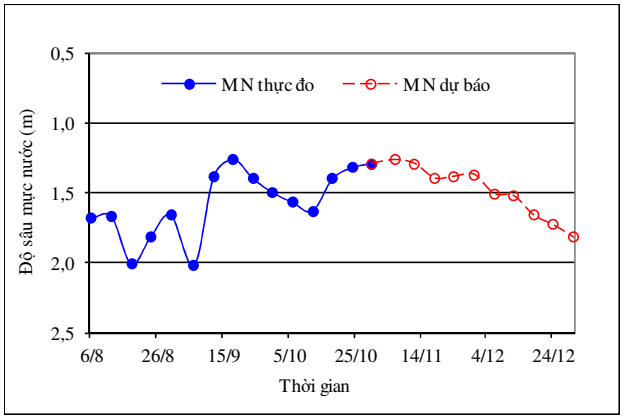
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 10 có xu thế dâng so với tháng 9. Giá trị dâng cao là 0,42m tại xã Liêu Xá (QTHY21).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,46m tại xã Trung Hưng (QTHY3), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 1,69m tại xã Liêu Xá (QTHY21)

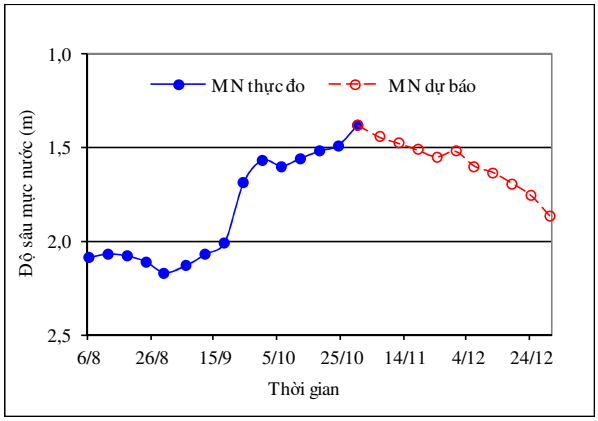
Dự báo: Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 22 và bảng 11).



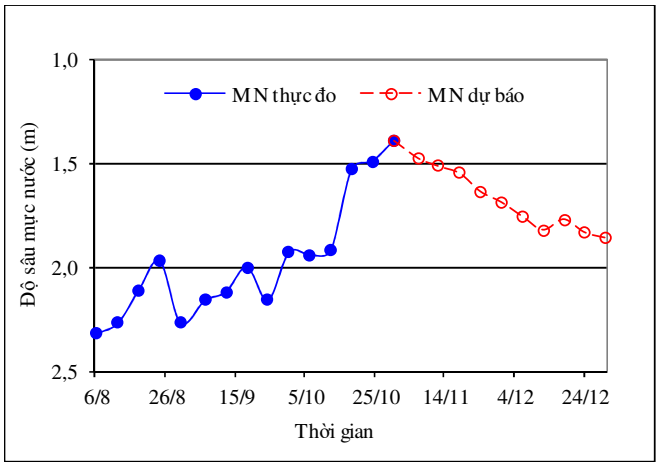
Hình 21. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qh



a. Xã Trung Hưng (QTHY3)



b. Xã Đồng Than (QTHY10)



c. Xã Liêu Xá (QTHY21)

Hình 22. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 11. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

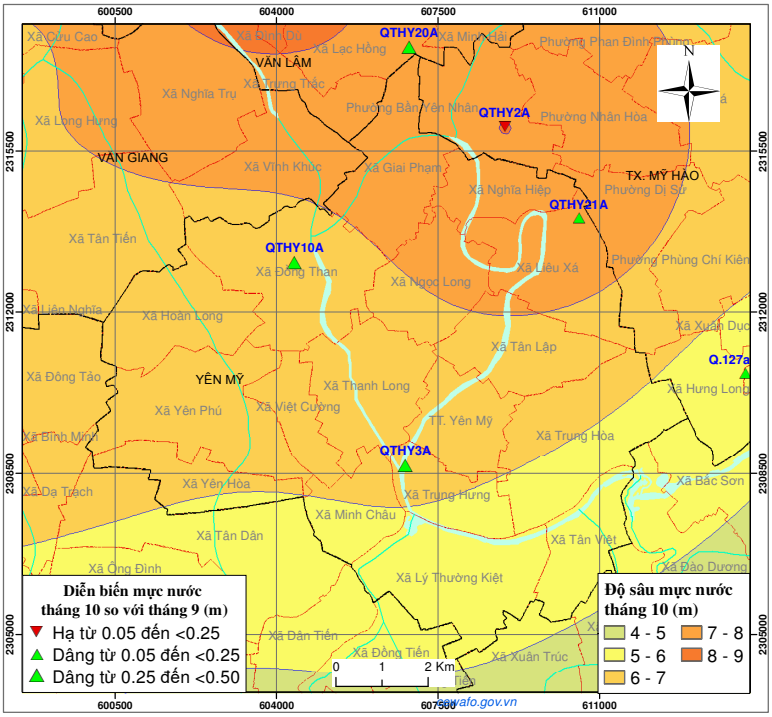
Ngày	UBND xã Trung Hưng (QTHY3)			UBND xã Đồng Than (QTHY10)			xã Liêu Xá (QTHY21)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	1,57	1,26	1,50	1,60	1,44	1,60	1,94	1,47	1,76
12	1,63	1,29	1,52	1,56	1,48	1,64	1,92	1,51	1,82
18	1,40	1,39	1,66	1,52	1,51	1,69	1,53	1,55	1,77
24	1,32	1,38	1,73	1,49	1,55	1,76	1,49	1,64	1,83
30	1,29	1,37	1,82	1,38	1,52	1,87	1,39	1,69	1,86
TB	1,44	1,34	1,65	1,51	1,50	1,71	1,65	1,57	1,81

II.5.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

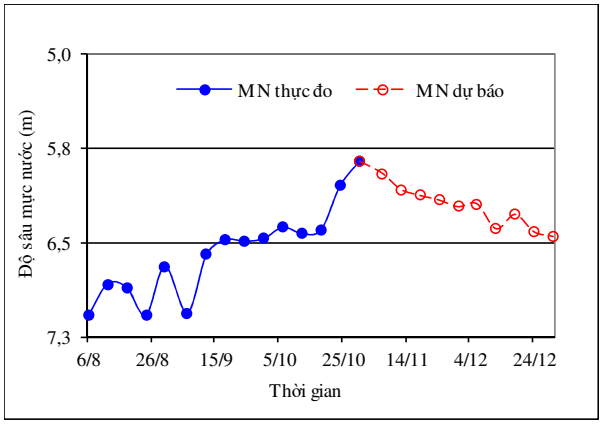
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 10 dâng và dâng hạ không đáng kể so với tháng 9. Giá trị dâng cao nhất là 0,48m tại UBND xã Đồng Than (QTHY10A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 6,28m tại xã Trung Hưng (QTHY3A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,80m tại xã Liêu Xá (QTHY21A).

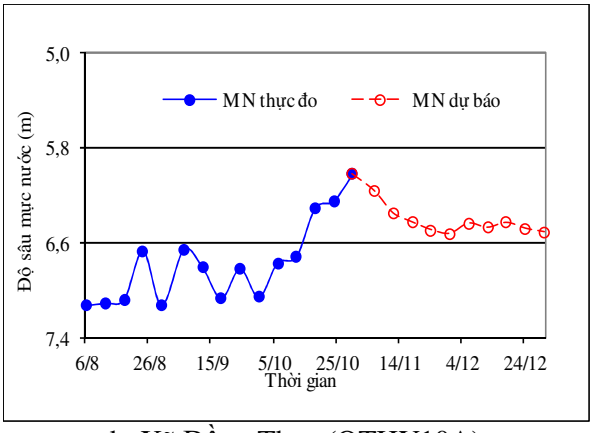
Dự báo: Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 24 và bảng 12).



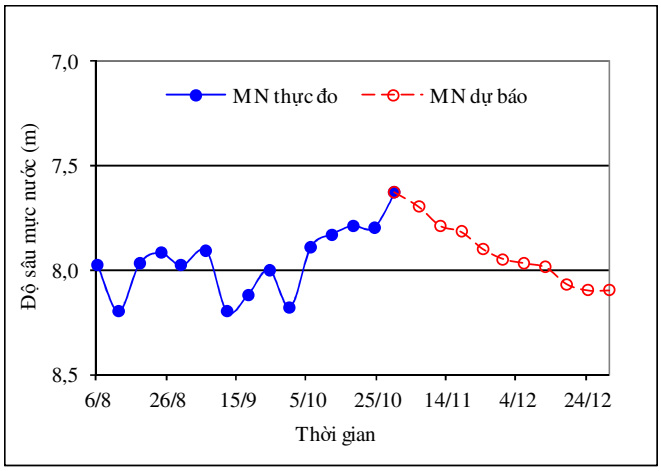
Hình 23. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qp



a. Xã Trung Hưng (QTHY3A)



b. Xã Đồng Than (QTHY10A)



c. Xã Liêu Xá (QTHY21A)

Hình 24. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 12. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	UBND xã Trung Hưng (QTHY3A)			UBND xã Đồng Than (QTHY10A)			xã Liêu Xá (QTHY21A)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	6,38	5,95	6,19	6,77	6,16	6,44	7,89	7,70	7,97
12	6,43	6,08	6,39	6,72	6,35	6,48	7,83	7,79	7,99
18	6,40	6,13	6,28	6,31	6,43	6,43	7,79	7,82	8,07
24	6,05	6,16	6,42	6,25	6,49	6,48	7,80	7,90	8,10
30	5,86	6,22	6,45	6,02	6,53	6,51	7,63	7,95	8,10
TB	6,22	6,11	6,35	6,41	6,39	6,47	7,79	7,83	8,05

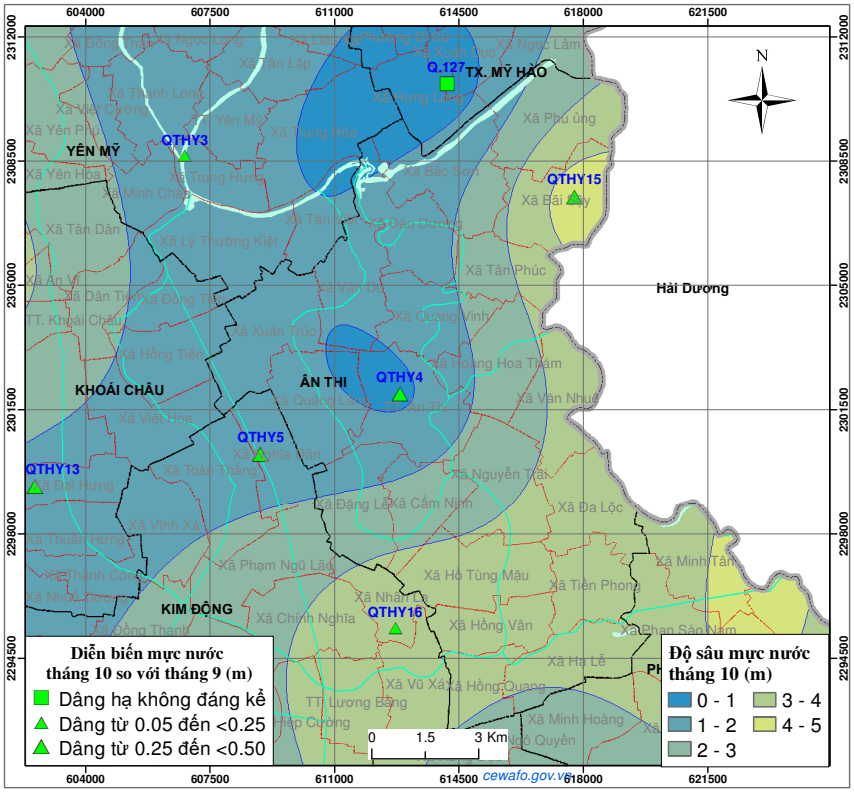
II.6. Huyện Ân Thi

II.6.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

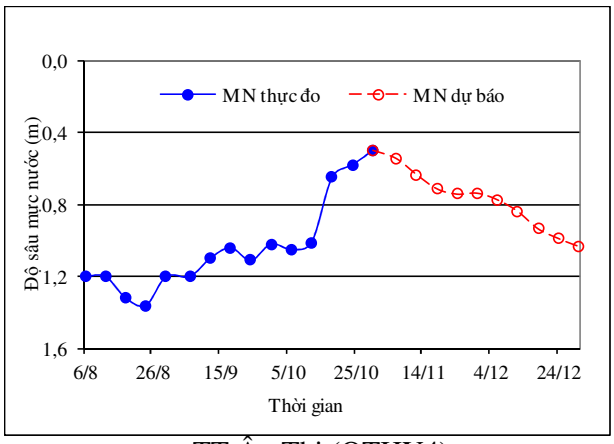
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 10 dâng so với tháng 9. Mực nước dâng cao nhất là 0,34m tại Trạm Y tế Thị trấn Ân Thi (QTHY4).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,76m tại TT Ân Thi (QTHY4), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 4,68m tại xã Bãi Sậy (QTHY15).

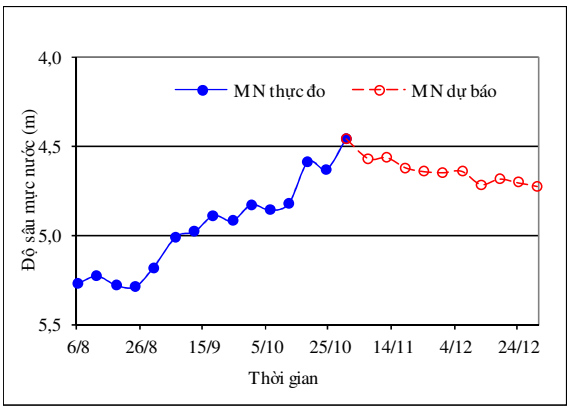
Dự báo: Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 26 và bảng 13).



Hình 25. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qh



a. TT Ân Thi (QTHY4)



b. xã Bãi Sậy (QTHY15)

Hình 26. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 13. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

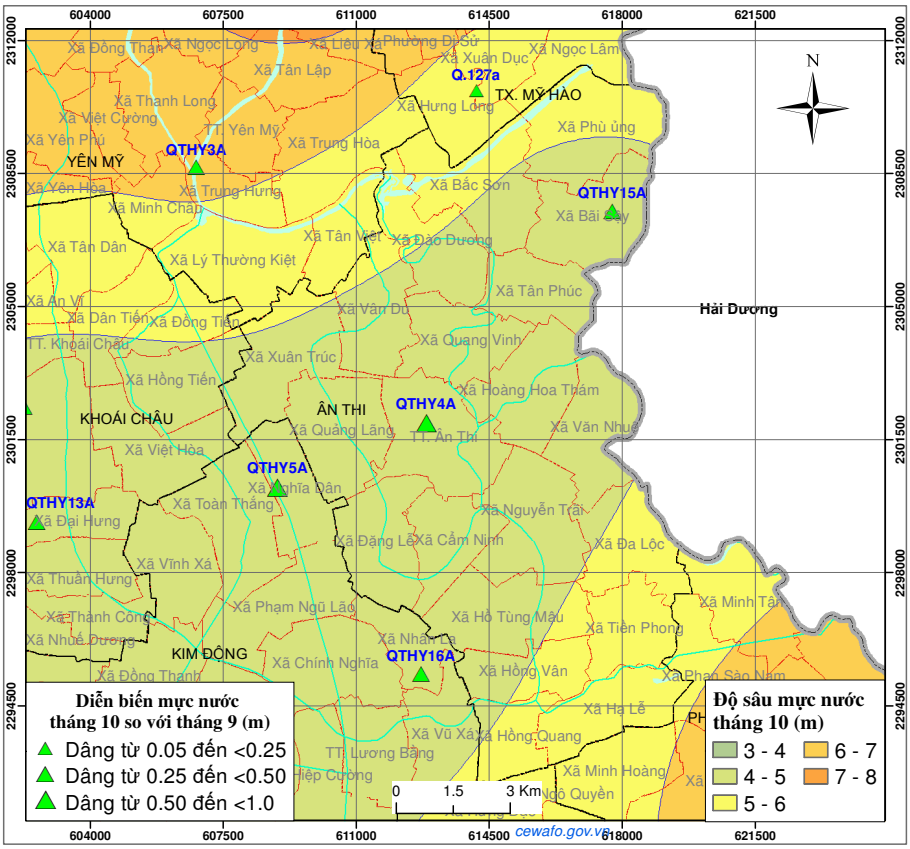
Ngày	Trạm Y tế Thị trấn Ân Thi (QTHY4)			UBND xã Bãi Sậy (QTHY15)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	1,05	0,55	0,77	4,86	4,57	4,64
12	1,01	0,63	0,84	4,82	4,57	4,72
18	0,65	0,71	0,93	4,59	4,62	4,69
24	0,58	0,74	0,99	4,63	4,64	4,71
30	0,50	0,74	1,03	4,46	4,65	4,73
TB	0,76	0,67	0,91	4,67	4,61	4,69

II.6.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

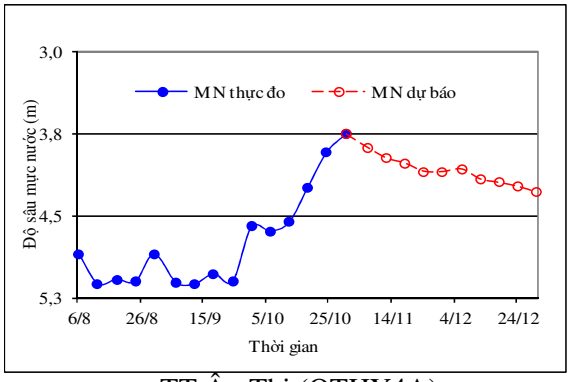
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 10 dâng so với tháng 9. Giá trị dâng cao nhất là 0,74m tại Trạm Y tế Thị trấn Ân Thi (QTHY4A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 4,23m tại TT Ân Thi (QTHY4A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 4,69m tại xã Bãi Sậy (QTHY15A).

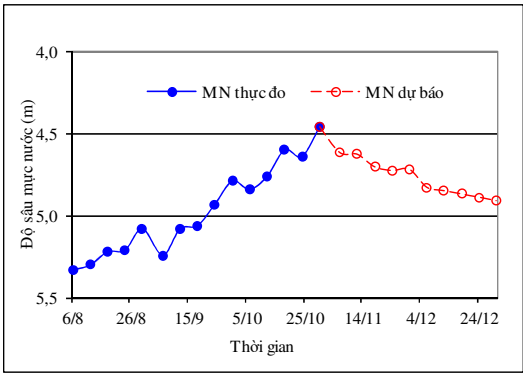
Dự báo: Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 28 và bảng 14).



Hình 27. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qp



a. TT Ân Thi (QTHY4A)



b. xã Bãi Sậy (QTHY15A)

Hình 28. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 14. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	Trạm Y tế Thị trấn Ân Thi (QTHY4A)			UBND xã Bãi Sậy (QTHY15A)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	4,64	3,88	4,08	4,84	4,62	4,83
12	4,56	3,98	4,17	4,76	4,63	4,85
18	4,24	4,03	4,20	4,60	4,70	4,87
24	3,92	4,10	4,23	4,64	4,73	4,89
30	3,76	4,10	4,29	4,46	4,72	4,91
TB	4,22	4,02	4,19	4,66	4,68	4,87

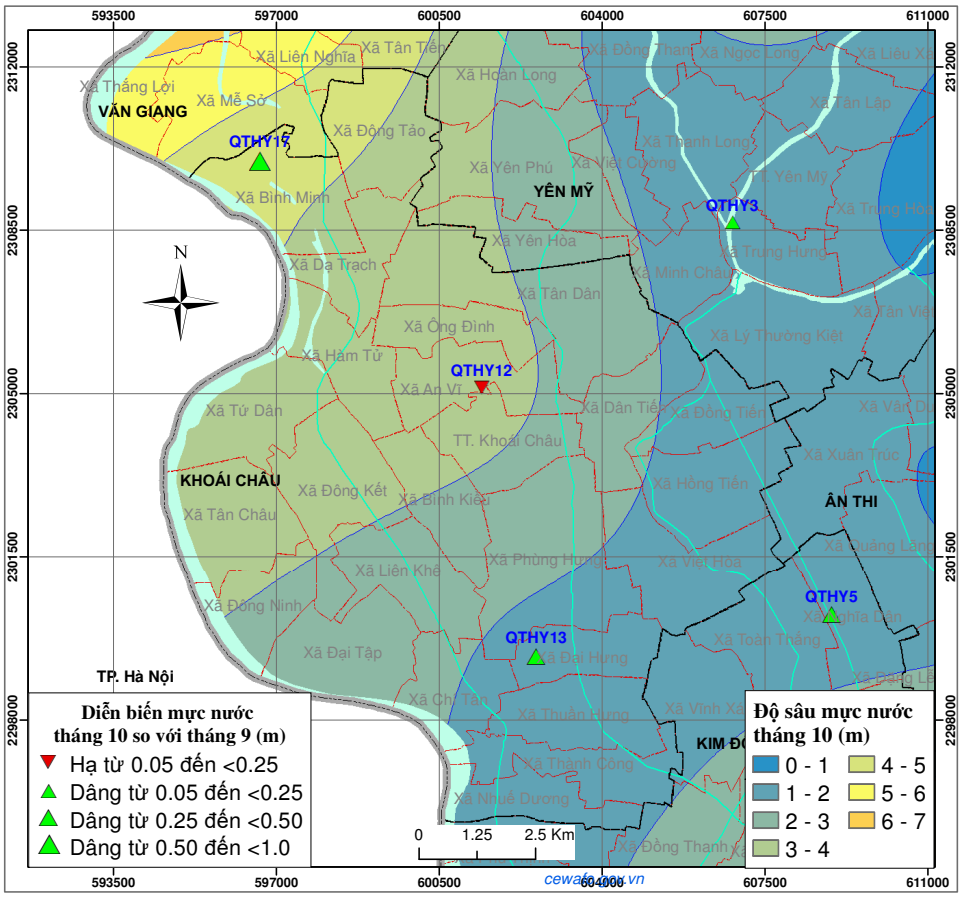
II.7. Huyện Khoái Châu

II.7.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

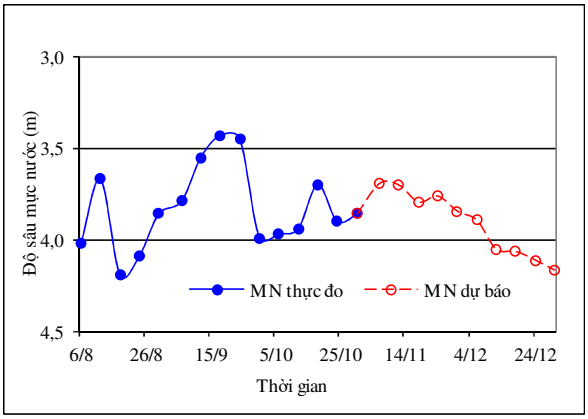
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 10 dâng so với tháng 9. Giá trị dâng cao nhất là 0,54m tại UBND xã Liên Nghĩa (QTHY1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,66m tại xã Đại Hưng (QTHY13), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 4,29m tại xã Bình Minh (QTHY17).

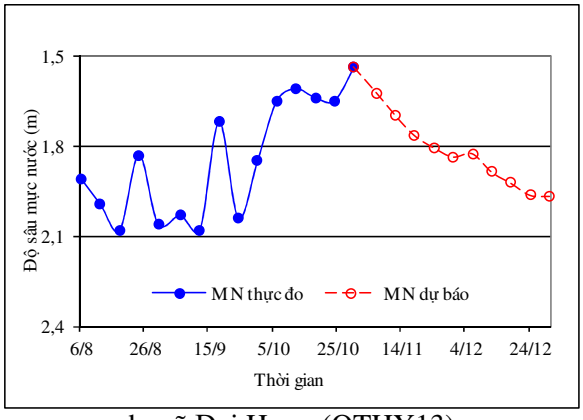
Dự báo: Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 30 và bảng 15).



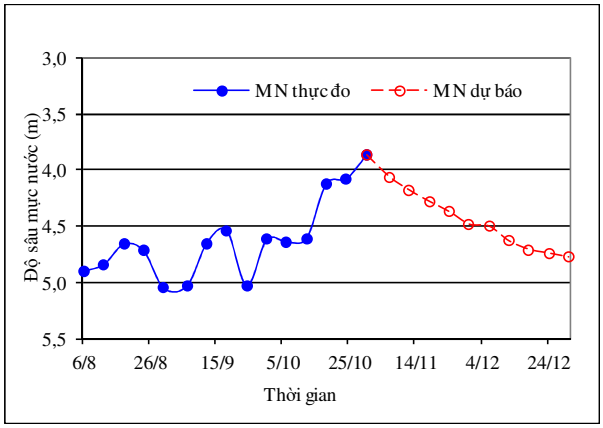
Hình 29. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qh



a. xã An Vĩ (QTHY12)



b. xã Đại Hưng (QTHY13)



c. xã Bình Minh (QTHY17)

Hình 30. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 15. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

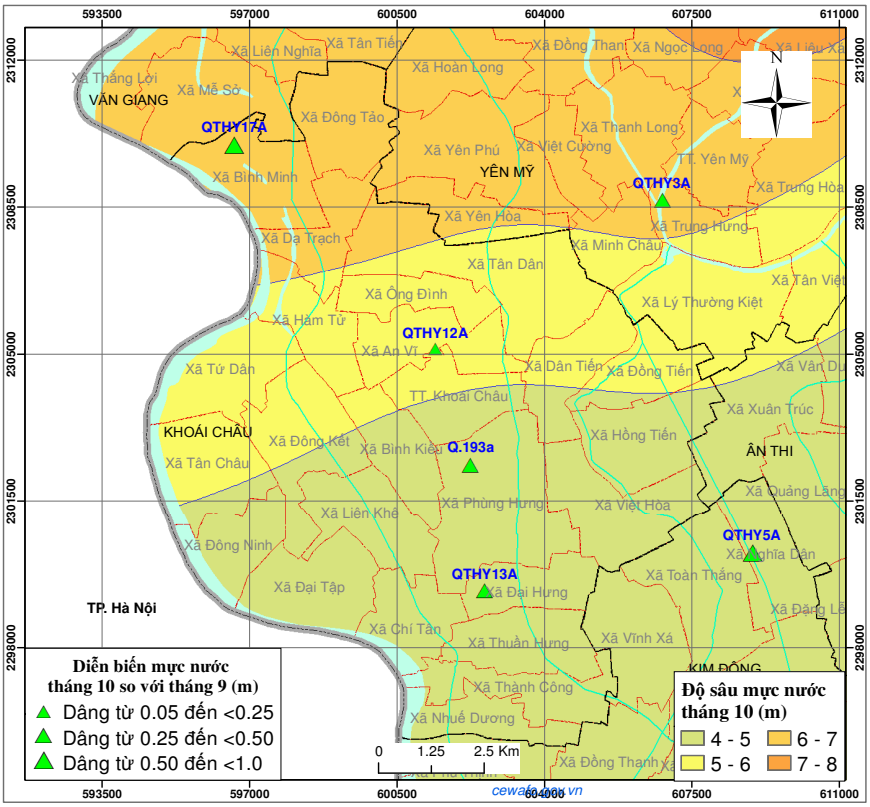
Ngày	UBND xã An Vĩ (QTHY12)			UBND xã Đại Hưng (QTHY13)			Trạm cấp nước Bình Minh (QTHY17)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	3,97	3,41	3,62	1,65	1,62	1,83	4,64	4,07	4,50
12	3,94	3,42	3,77	1,61	1,70	1,89	4,61	4,19	4,63
18	3,28	3,52	3,79	1,64	1,77	1,92	4,12	4,28	4,71
24	3,25	3,48	3,83	1,65	1,81	1,96	4,08	4,38	4,74
30	3,30	3,57	3,89	1,54	1,84	1,97	3,87	4,49	4,78
TB	3,55	3,48	3,78	1,62	1,75	1,91	4,26	4,28	4,67

II.7.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

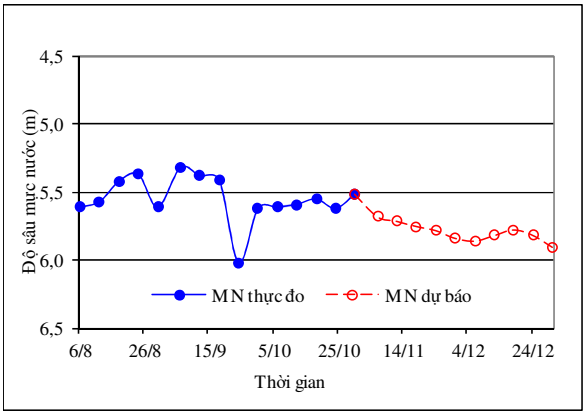
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 10 có xu thế dâng so với tháng 9.. Giá trị dâng là 0,57m tại Trạm cấp nước Bình Minh (QTHY17A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 4,42m tại UBND xã Đại Hưng (QTHY13A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 6,79m tại Trạm cấp nước Bình Minh (QTHY17A).

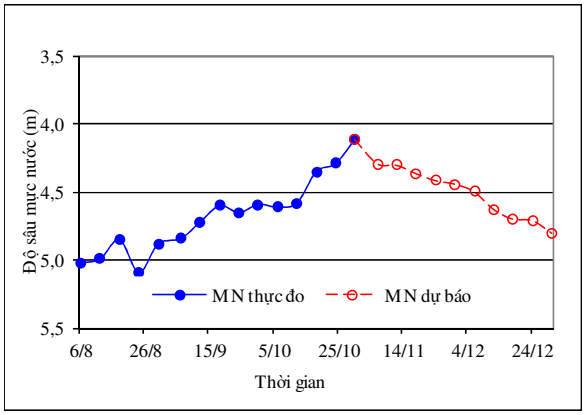
Dự báo: Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 32 và bảng 16).



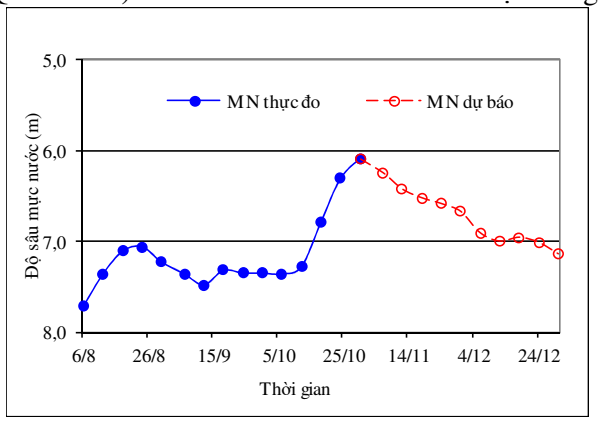
Hình 31. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qp



a. xã An Vĩ (QTHY12A)



b. xã Đại Hưng (QTHY13A)



c. xã Bình Minh (QTHY17A)

Hình 32. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 16. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

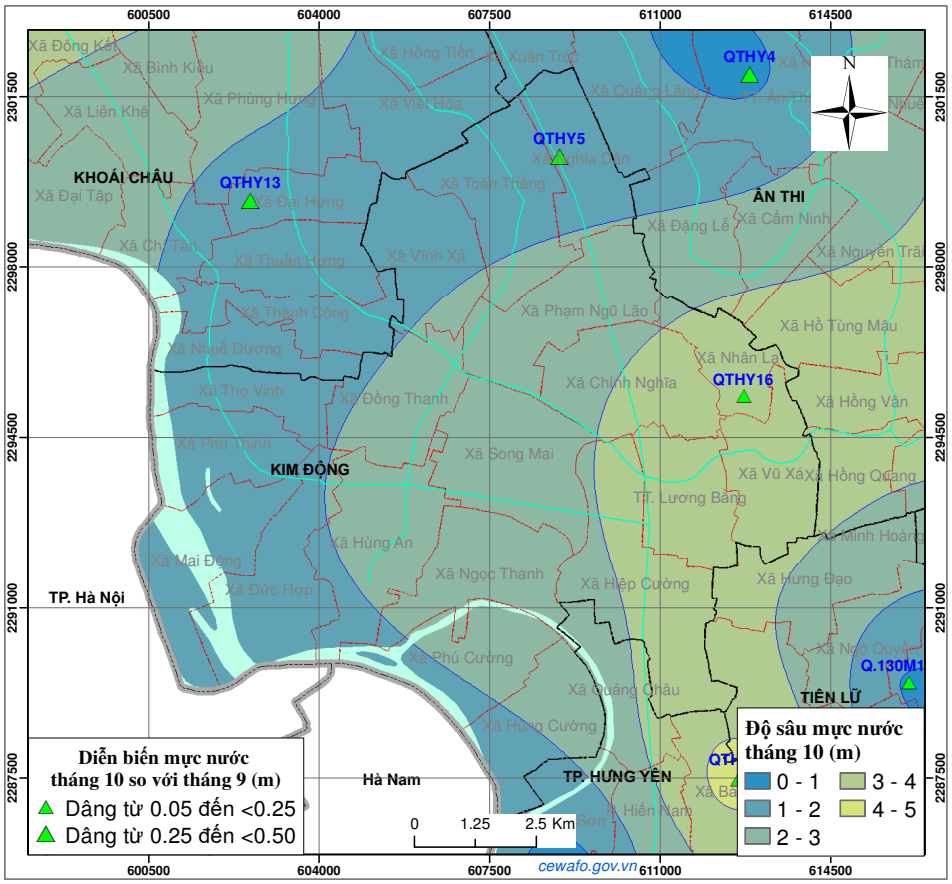
Ngày	UBND xã An Vĩ (QTHY12A)			UBND xã Đại Hưng (QTHY13A)			Trạm cấp nước Bình Minh (QTHY17A)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	5,61	5,59	5,77	4,61	4,29	4,50	7,36	6,25	6,91
12	5,59	5,62	5,73	4,58	4,30	4,63	7,28	6,42	7,00
18	5,03	5,66	5,69	4,35	4,36	4,70	6,79	6,52	6,96
24	5,62	5,69	5,73	4,29	4,41	4,71	6,31	6,59	7,02
30	5,51	5,75	5,82	4,11	4,44	4,80	6,09	6,68	7,14
TB	5,47	5,66	5,75	4,39	4,36	4,67	6,77	6,49	7,01

II.8. Huyện Kim Động

II.8.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

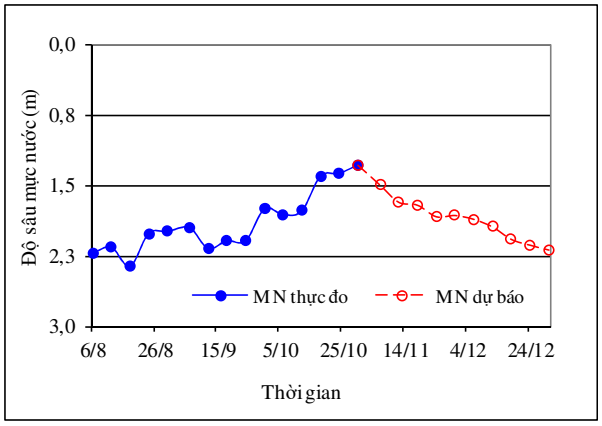
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 10 có xu thế dâng so với tháng 9. Giá trị dâng cao là 0,41m tại xã Nghĩa Dân (QTHY5).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,59m tại xã Nghĩa Dân (QTHY5), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 4,02m tại xã Nhân La (QTHY16).

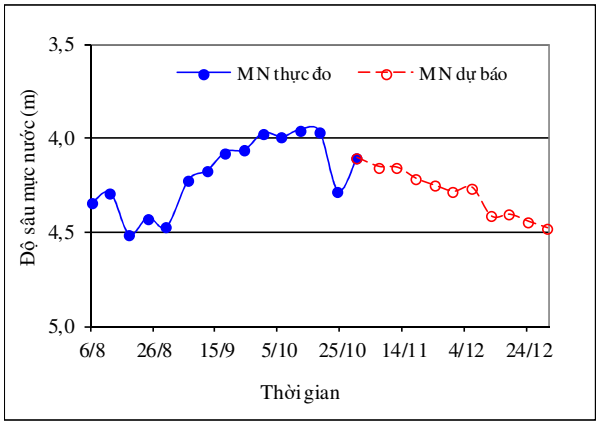


Hình 33. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qh

Dự báo: Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 34 và bảng 27).



a. Xã Nghĩa Dân (QTHY5)



b. Xã Nhân La (QTHY16)

Hình 34. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

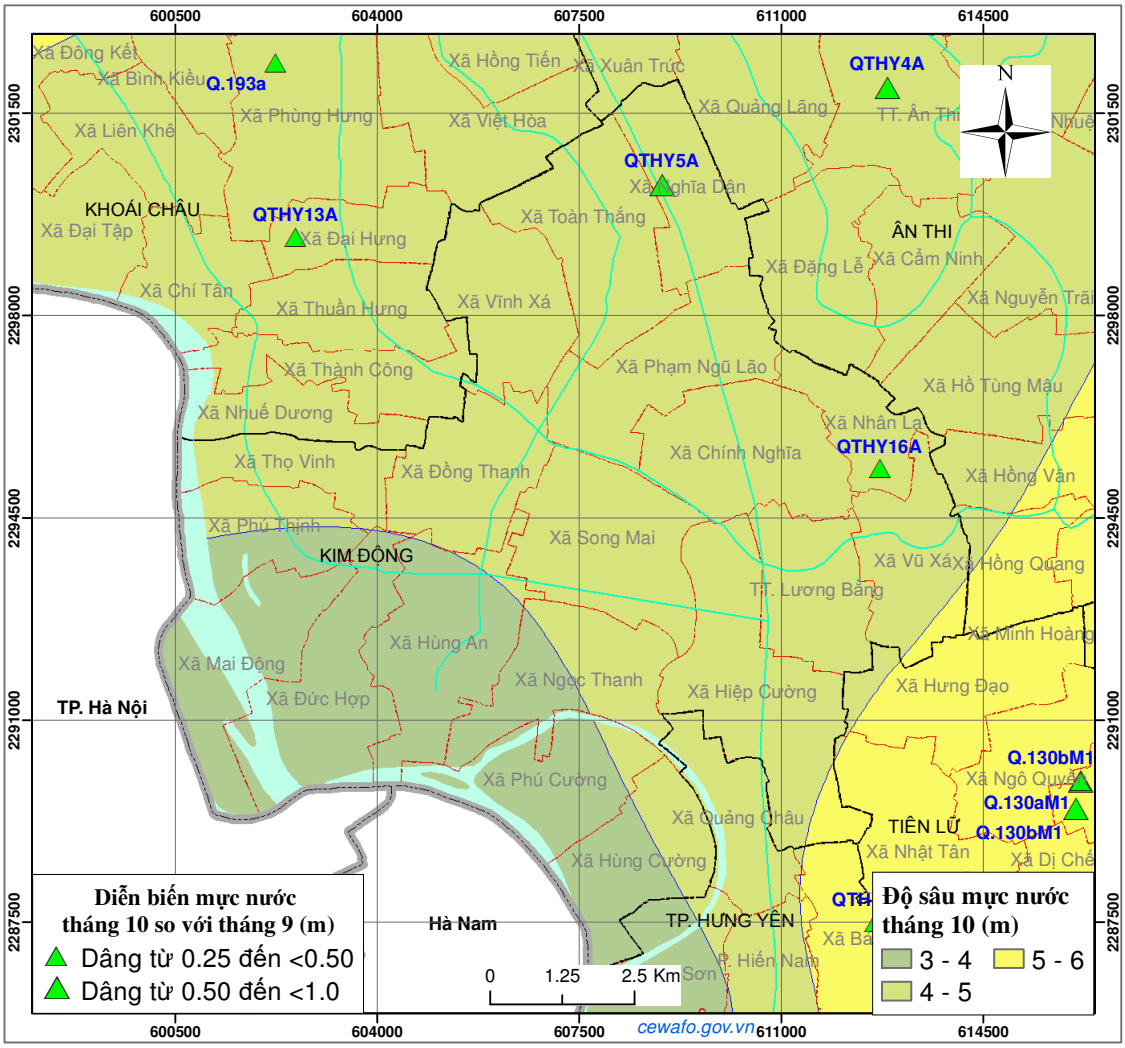
Bảng 17. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

Ngày	xã Nghĩa Dân (QTHY5)			UBND xã Nhân La (QTHY16)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	1,81	1,49	1,86	3,99	4,15	4,26
12	1,77	1,68	1,94	3,95	4,15	4,41
18	1,40	1,71	2,07	3,96	4,21	4,40
24	1,37	1,83	2,13	4,28	4,25	4,44
30	1,28	1,82	2,18	4,10	4,28	4,47
TB	1,53	1,70	2,04	4,06	4,21	4,40

II.8.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

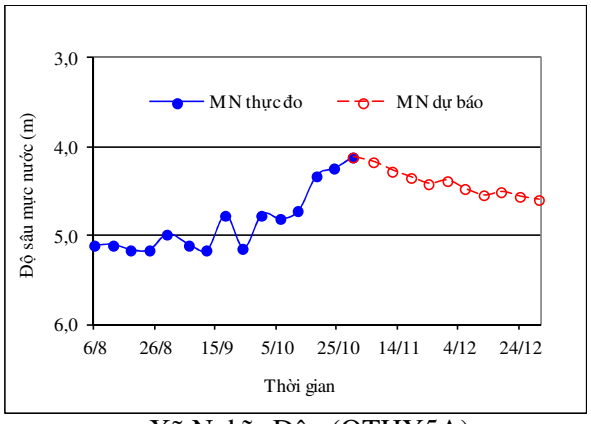
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 10 dâng so với tháng 9. Giá trị dâng cao nhất là 0,52m tại xã Nghĩa Dân (QTHY5A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 4,46m tại UBND xã Nhân La (QTHY16A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 4,51m tại xã Nghĩa Dân (QTHY5A).

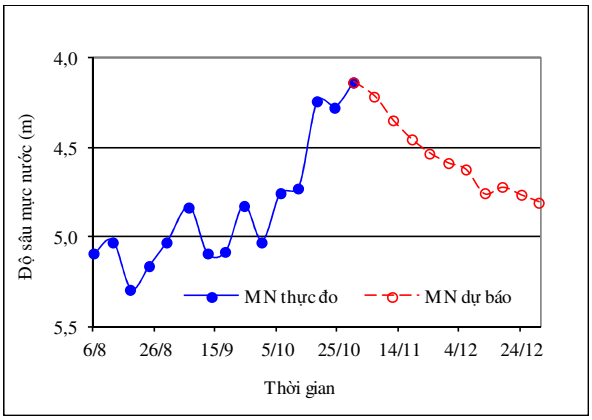


Hình 35. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qp

Dự báo: Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 36 và bảng 18).



a. Xã Nghĩa Dân (QTHY5A)



b. Xã Nhân La (QTHY16A)

Hình 36. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 18. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	xã Nghĩa Dân (QTHY5A)			UBND xã Nhân La (QTHY16A)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	4,81	4,17	4,47	4,75	4,21	4,62
12	4,72	4,26	4,54	4,72	4,34	4,75
18	4,32	4,34	4,50	4,24	4,45	4,72
24	4,24	4,41	4,55	4,27	4,53	4,76
30	4,11	4,37	4,58	4,13	4,58	4,80
TB	4,44	4,31	4,53	4,42	4,42	4,73

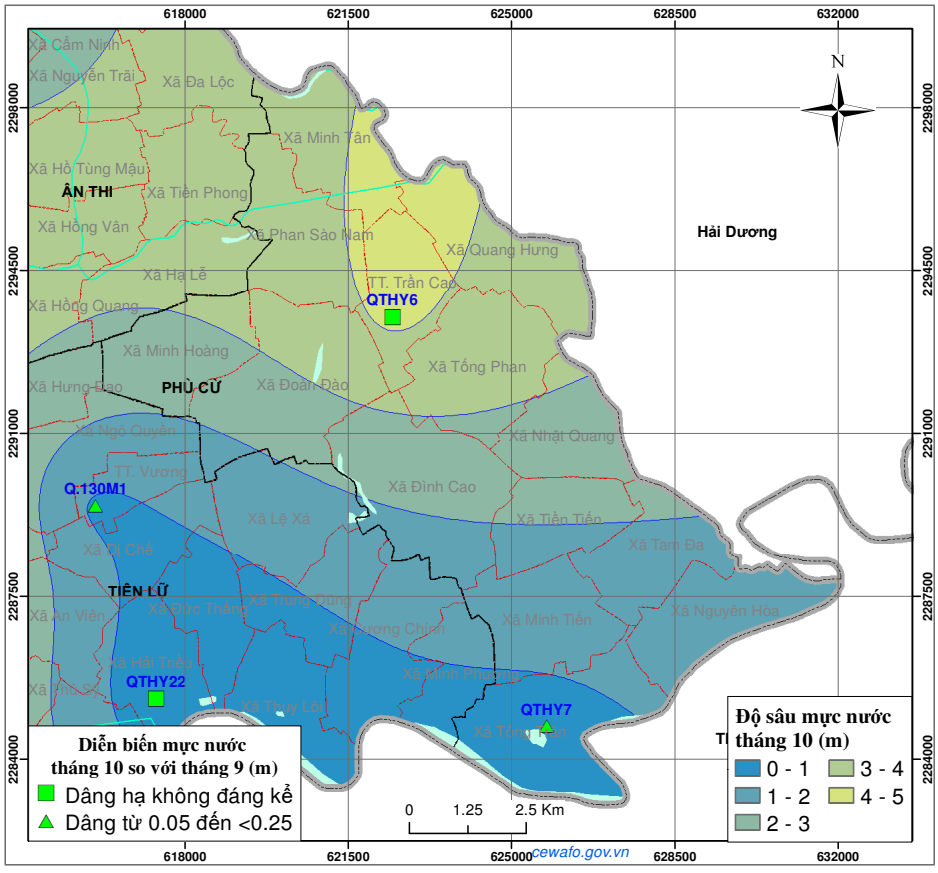
II.9. Huyện Phù Cừ

II.9.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

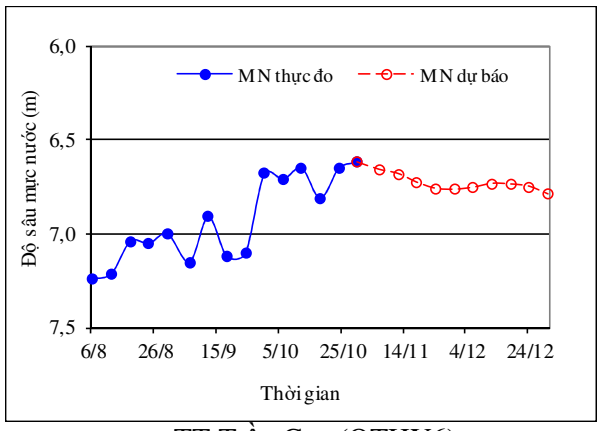
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 10 dâng so với tháng 9. Giá trị dâng cao nhất là 0,09m tại xã Tống Trân (QTHY7).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,73m tại xã Tống Trân (QTHY7), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 4,17m tại TT Trần Cao (QTHY6).

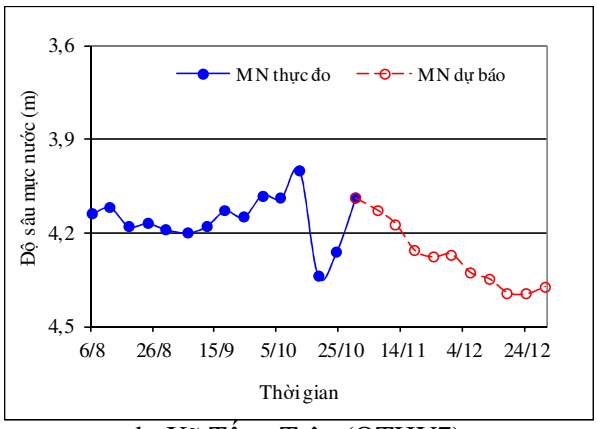
Dự báo: Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 38 và bảng 19).



Hình 37. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qh



a. TT Trần Cao (QTHY6)



b. Xã Tống Trân (QTHY7)

Hình 38. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 19. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

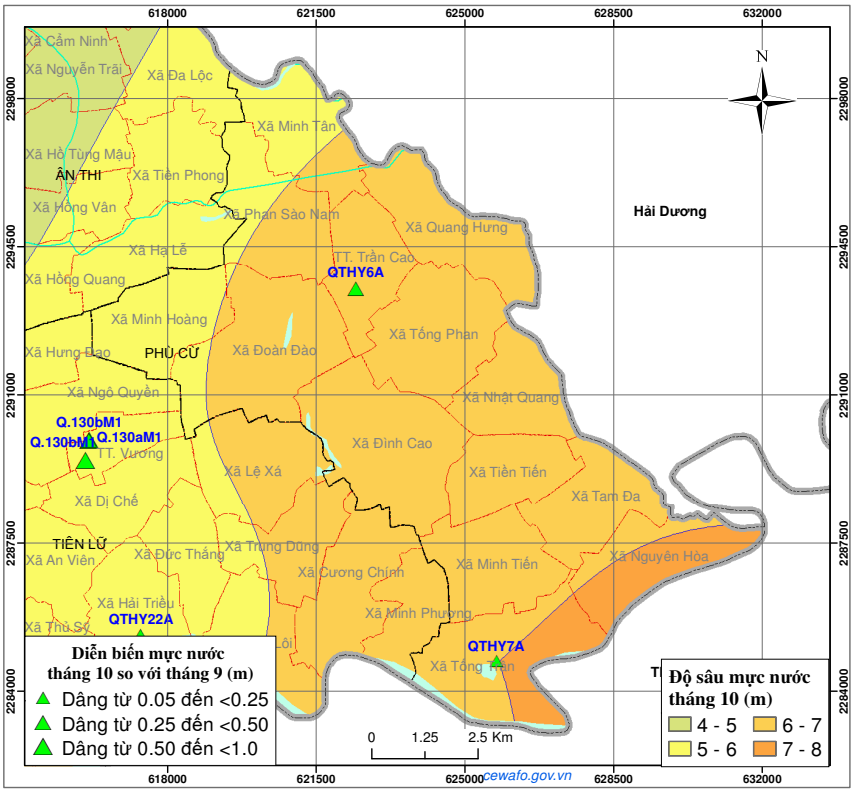
Ngày	UBND TT Trần Cao (QTHY6)			UBND(cũ) xã Tống Trân (QTHY7)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	4,09	4,13	4,33	0,70	0,81	0,92
12	4,00	4,17	4,35	0,64	0,83	0,97
18	4,34	4,26	4,39	0,80	0,86	1,02
24	4,26	4,28	4,40	0,77	0,89	1,06
30	4,09	4,27	4,37	0,72	0,91	1,10
TB	4,16	4,22	4,37	0,73	0,86	1,01

II.9.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

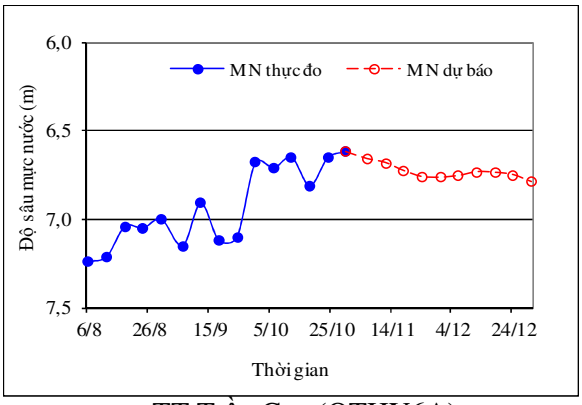
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 10 dâng so với tháng 9. Giá trị hạ thấp là 0,30m tại UBND TT Trần Cao (QTHY6A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 6,69m tại UBND TT Trần Cao (QTHY6A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,00m tại UBND(cũ) xã Tống Trân (QTHY7A).

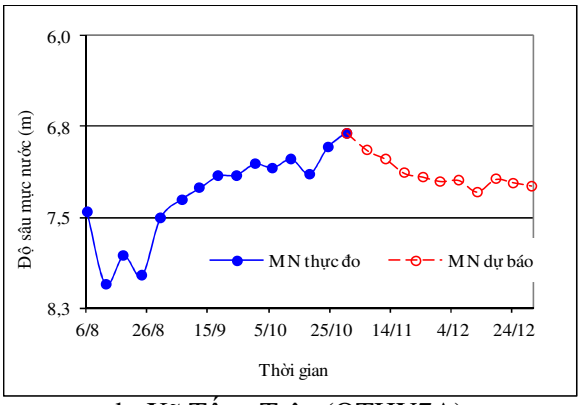
Dự báo: Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 40 và bảng 20).



Hình 39. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qp



a. TT Trần Cao (QTHY6A)



b. Xã Tống Trân (QTHY7A)

Hình 40. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 20. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	UBND TT Trần Cao (QTHY6A)			UBND(cũ) xã Tống Trân (QTHY7A)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	6,71	6,66	6,75	7,09	6,95	7,19
12	6,65	6,68	6,73	7,02	7,02	7,29
18	6,81	6,73	6,74	7,14	7,13	7,18
24	6,65	6,76	6,75	6,92	7,16	7,21
30	6,62	6,76	6,79	6,80	7,20	7,24
TB	6,69	6,72	6,75	6,99	7,09	7,22

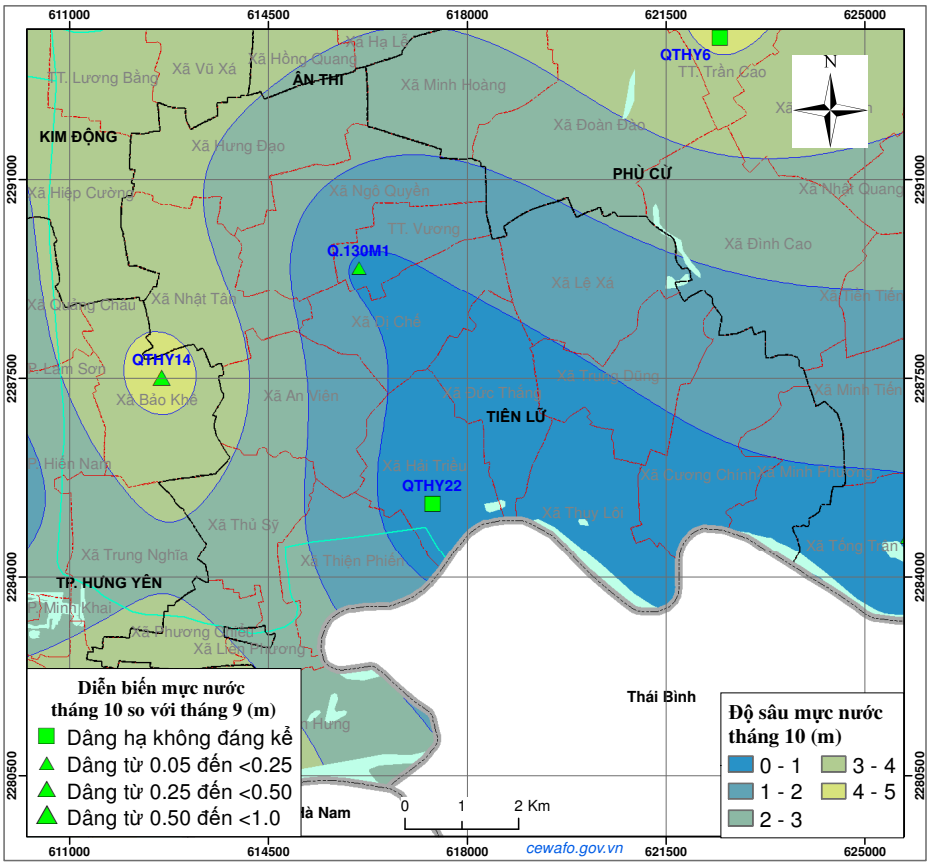
II.10. Huyện Tiên Lữ

II.10.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

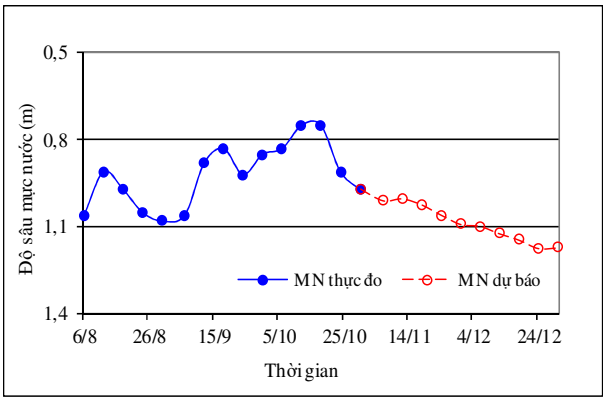
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 10 dâng so với tháng 9. Giá trị dâng cao nhất là 0,10m tại TT Vương (Q.130M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,25m tại xã xã Hải Triều (QTHY22), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 0,82m tại TT Vương (Q.130M1).

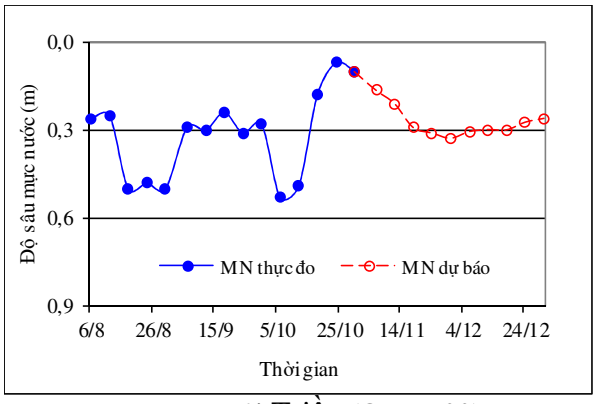
Dự báo: Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 42 và bảng 21).



Hình 41. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qh



TT Vương (Q.130M1)



a. xã Hải Triều (QTHY22)

Hình 42. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 21. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

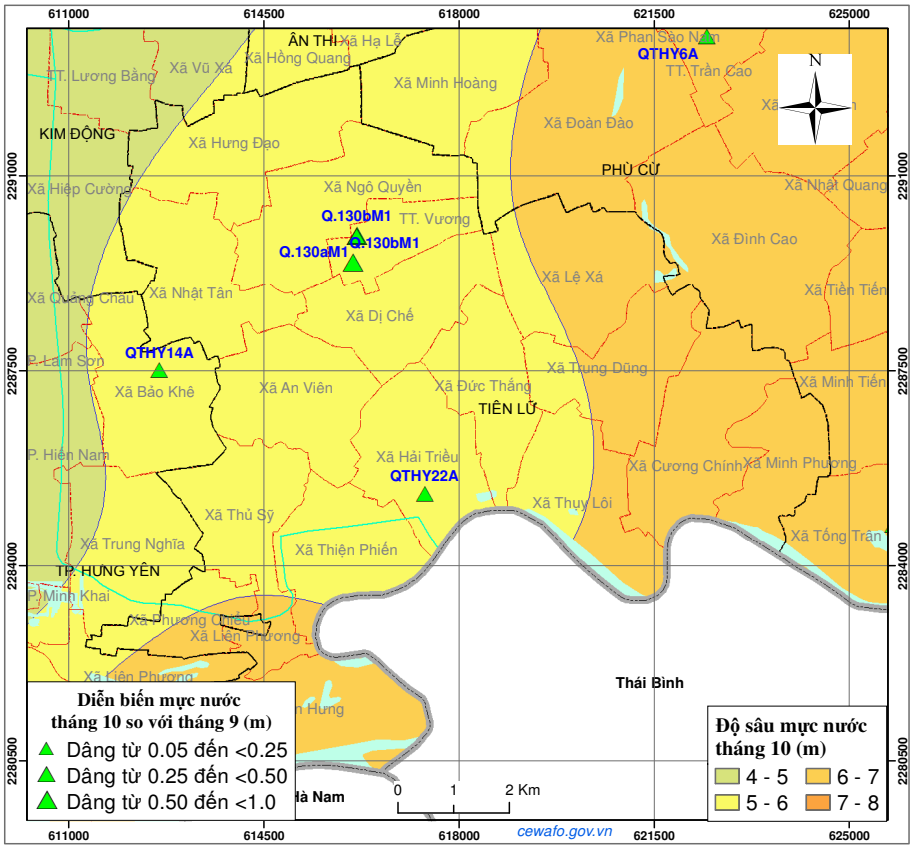
Ngày	TT Vương (Q.130M1)			xã Hải Triều (QTHY22)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	0,83	1,01	1,10	0,53	0,16	0,31
12	0,75	1,00	1,12	0,49	0,21	0,30
18	0,75	1,02	1,14	0,18	0,29	0,30
24	0,91	1,06	1,17	0,07	0,31	0,27
30	0,97	1,09	1,17	0,10	0,33	0,26
TB	0,84	1,04	1,14	0,27	0,26	0,29

II.10.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

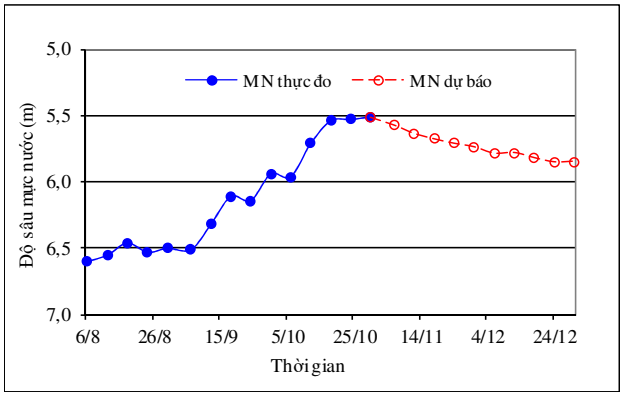
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 10 dâng so với tháng 9. Giá trị hạ thấp nhất là 0,50m tại TT Vương (Q.130bM1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 5,16m tại xã Hải Triều (QTHY22A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 5,75m tại TT Vương (Q.130aM1).

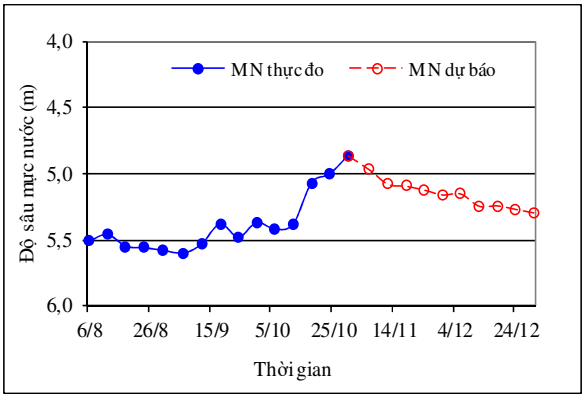
Dự báo: Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 44 và bảng 22).



Hình 43. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2021 tầng qp



a.TT Vương (Q.130bM1)



b. xã Hải Triều (QTHY22A)

Hình 44. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 22. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	TT Vương (Q.130bM1)			xã Hải Triều (QTHY22A)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	5,96	5,57	5,78	5,42	4,97	5,15
12	5,71	5,63	5,78	5,38	5,08	5,25
18	5,54	5,67	5,82	5,07	5,09	5,24
24	5,53	5,71	5,85	5,00	5,12	5,27
30	5,51	5,74	5,85	4,86	5,16	5,30
TB	5,65	5,66	5,82	5,15	5,08	5,24